

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ XÂY DỰNG

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÁNG 02 NĂM 2024
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Công bố số 460/CBG-SXD ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Xây dựng)

Quảng Bình, tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng tháng 02 năm 2024
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 63/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố chỉ số giá xây dựng; giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ mặt bằng giá các loại vật liệu xây dựng trên thị trường các khu vực trong tỉnh,

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tháng 02 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và hướng dẫn áp dụng như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng do Sở Xây dựng công bố để cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP tham khảo áp dụng hoặc vận dụng. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng nguồn vốn khác áp dụng Công bố này.

2. Giá các loại vật liệu xây dựng trong Công bố này là giá phổ biến trên thị trường, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và đã tính chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển bên mua trong tháng 02 năm 2024. Giá đất đắp, đá xây dựng, cát xây dựng được tính cho 1m³ đo trên ô tô tự đổ.

3. Giá nhiên liệu (xăng, dầu) được công bố theo Thông cáo báo chí của Tập

đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tại các kỳ điều hành giá xăng dầu của liên Bộ Công Thương – Tài Chính. Khi lập tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình trên cơ sở định mức dự toán xây dựng công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành thì giá nhiên liệu được điều chỉnh theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tại thời điểm lập tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng.

4. Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn của Thông tư số 11/2021/TT- BXD ngày 31/8/2021 và Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và điều kiện cụ thể của từng công trình để xem xét xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản hồi để Sở Xây dựng nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các PGĐ Sở;
- Website Sở (đăng tải);
- Lưu: VT, ĐTHT&KTXD.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Thái

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 02 NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Đơn vị tính: đồng

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1	Bê tông	Bê tông nhựa C12,5	tấn			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Lên Con Rào Trù					1.409.000				
2	Bê tông	Bê tông nhựa C19	tấn			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Lên Con Rào Trù					1.300.000				
3	Bê tông	Bê tông nhựa C12,5	tấn			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.430.000	
4	Bê tông	Bê tông nhựa C19	tấn			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.375.000	
5	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PC dk300mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	200.000								
6	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC dk300mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	220.000								
7	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PC dk300mm	m		Loại B	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	270.000								
8	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC dk300mm	m		Loại B	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	290.000								
9	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PC dk350mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	255.000								
10	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC dk350mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	275.000								
11	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PC dk400mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	325.000								
12	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC dk400mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	345.000								
13	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PC dk450mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	432.000								
14	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC dk450mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	475.000								
15	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PC dk500mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	530.000								
16	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC dk500mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	550.000								
17	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PC dk600mm	m		Loại A	Công ty TNHH SXCK công nghệ cao Việt Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	634.000								

[illegible]

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
36	Bê tông đúc sẵn	Cột điện PC.I.14-190-11	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								11.880.000	
37	Bê tông đúc sẵn	Cột điện PC.I.16-190-9.2	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								17.765.000	
38	Bê tông đúc sẵn	Cột điện PC.I.16-190-11	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								20.075.000	
39	Bê tông đúc sẵn	Cột điện PC.I.16-190-13	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								21.835.000	
40	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.7,5-160-2.0	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.480.500	
41	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.7,5-160-3.0	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.728.000	
42	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.7,5-160-5.4	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.047.000	
43	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.8,5-160-2.0	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.289.000	
44	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.8,5-160-2.5	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.801.600	
45	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.8,5-160-3.0	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.894.000	
46	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.8,5-160-4.3	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								4.433.000	
47	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.10-190-3.5	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								4.790.500	
48	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.10-190-4.3	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								5.450.500	
49	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.10-190-5.0	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								5.846.500	
50	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.12-190-3.5	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								5.813.500	
51	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.12-190-4.3	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								6.121.500	
52	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.12-190-5,4	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								7.062.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
53	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.12-190-7.2	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								8.415.000	
54	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.14-190-6.5	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								9.680.000	
55	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.14-190-8.5	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								12.050.500	
56	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.14-190-9.2	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								12.535.050	
57	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.14-190-11	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								13.816.000	
58	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.16-190-9.2	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								22.110.000	
59	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.16-190-11	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								23.870.000	
60	Bê tông đúc sẵn	Cột điện NPC.I.16-190-13	cột	TCVN 5847-2016		Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								27.225.000	
61	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400T dày 40mm	m		H3	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								413.000	
62	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400TC dày 40mm	m		H13	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								418.000	
63	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400C dày 40mm	m		H30	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								433.000	
64	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600T dày 50mm	m		H3	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								606.000	
65	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600TC dày 50mm	m		H13	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								642.000	
66	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600C dày 50mm	m		H30	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								662.000	
67	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800T dày 80mm	m		H3	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.120.000	
68	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800TC dày 80mm	m		H13	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.176.000	
69	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800C dày 80mm	m		H30	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.230.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
70	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000T dày 100mm	m		H3	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.636.000	
71	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000TC dày 100mm	m		H13	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.722.000	
72	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000C dày 100mm	m		H30	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.772.000	
73	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1250T dày 100mm	m		H3	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.513.000	
74	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1250TC dày 100mm	m		H13	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.674.000	
75	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1250C dày 100mm	m		H30	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.909.000	
76	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1560T dày 120mm	m		H3	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.476.000	
77	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1560TC dày 120mm	m		H13	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.705.000	
78	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1560C dày 120mm	m		H30	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.931.000	
79	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000 dày 120mm dài 2,5m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								4.657.500	
80	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000 dày 100mm dài 1,0m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.289.000	
81	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1250 dày 120mm dài 2,5m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								7.852.500	
82	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1250 dày 140mm dài 1,0m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.514.000	
83	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1250 dày 180mm dài 1,0m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								4.472.000	
84	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 140mm dài 2,5m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								10.515.000	
85	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 140mm dài 1,0m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								4.717.000	
86	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 160mm dài 1,0m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								5.271.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
87	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 220mm dài 1,0m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								6.708.000	
88	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 2000 dày 170mm dài 1,0m	ống		HL93	Công ty CP XD điện Vneco12	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								7.986.000	
89	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400 dày 40mm	m		H3	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									412.000
90	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400 dày 40mm	m		H13	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									422.000
91	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400 dày 40mm	m		H30	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									436.000
92	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600 dày 50mm	m		H3	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									640.000
93	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCTđk 600 dày 50mm	m		H13	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									655.000
94	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600 dày 50mm	m		H30	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									671.000
95	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800 dày 80mm	m		H3	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									1.146.000
96	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800 dày 80mm	m		H13	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									1.186.000
97	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800 dày 80mm	m		H30	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									1.225.000
98	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000 dày 100mm	m		H3	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									1.818.000
99	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk1000 dày 100mm	m		H13	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									1.990.000
100	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk1000 dày 100mm	m		H30	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									2.047.000
101	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1200 dày 120mm	m		H3	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									2.691.000
102	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1200 dày 120mm	m		H13	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									2.803.000
103	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1200 dày 120mm	m		H30	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									3.026.000
104	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 120mm	m		H3	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									3.341.000
105	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 120mm	m		H13	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									3.500.000
106	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 120mm	m		H30	Công ty TNHH XDTH Trường Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán									3.774.000
107	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 300 dày 50mm	m		VH	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								320.000	
108	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 300 dày 50mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								328.000	
109	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 300 dày 50mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								335.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
110	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 300 dày 50mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								348.000	
111	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCTđk 400 dày 50mm	m		VH	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								401.000	
112	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400 dày 50mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								410.000	
113	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400 dày 50mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								419.000	
114	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 400 dày 50mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								431.000	
115	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600 dày 60mm	m		VH	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								615.000	
116	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600 dày 60mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								630.000	
117	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600 dày 60mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								645.000	
118	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 600 dày 60mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								660.000	
119	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800 dày 80mm	m		VH	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.053.000	
120	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800 dày 80mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.135.000	
121	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800 dày 80mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.171.000	
122	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 800 dày 80mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.215.000	
123	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk1000 dày 100mm	m		VH	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.686.000	
124	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000 dày 100mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.805.000	
125	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000 dày 100mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.980.000	
126	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1000 dày 100mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.035.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
127	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1200 dày 120mm	m		VH	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.581.000	
128	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1200 dày 120mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.681.000	
129	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1200 dày 120mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								2.790.000	
130	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCTđk 1200 dày 120mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.015.000	
131	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 120mm	m		VH	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.271.000	
132	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 120mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.330.000	
133	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 120mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.490.000	
134	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 120mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.761.000	
135	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 140mm	m		H10	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								3.885.000	
136	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCT đk 1500 dày 140mm	m		H13	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								4.071.000	
137	Bê tông đúc sẵn	ống cống BTCTđk 1500 dày 140mm	m		H30	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Hà	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								4.387.000	
138	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 400, dày 55mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								471.000	
139	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 600, dày 70mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								604.000	
140	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 800, dày 80mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.018.000	
141	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1000, dày 100mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.426.000	
142	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1200, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								2.309.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
143	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1250, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								2.400.000	
144	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1500, dày 140mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								3.253.000	
145	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 400, dày 55mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								489.000	
146	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 600, dày 70mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								668.000	
147	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 800, dày 80mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.065.000	
148	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1000, dày 100mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.630.000	
149	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1200, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								2.437.000	
150	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1250, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								2.522.000	
151	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1500, dày 140mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								3.365.000	
152	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 400, dày 55mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								512.000	
153	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 600, dày 70mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								672.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
154	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 800, dày 80mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.114.000	
155	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1000, dày 100mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.680.000	
156	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1200, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								2.658.000	
157	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1250, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								2.749.000	
158	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung lõi đk 1500, dày 140mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012	Sử dụng bê tông C25, cốt thép kéo nguội D5	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Việt Nam		Giá tại nơi bán								3.535.000	
159	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D300, dày 50mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					300.000				
160	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D400, dày 55mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					364.000				
161	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D600, dày 70mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					426.000				
162	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D800, dày 80mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					709.000				
163	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D1000, dày 100mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					955.000				
164	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D1200, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					1.488.000				
165	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D1500, dày 140mm, dài 2,5m cấp tải thấp (T)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					2.318.000				
166	Bê tông đúc sẵn	Ông công BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D300, dày 50mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					318.000				

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
167	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D400, dày 55mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					400.000				
168	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D600, dày 70mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					482.000				
169	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D800, dày 80mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					809.000				
170	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D1000, dày 100mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					1.182.000				
171	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D1200, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					1.609.000				
172	Bê tông đúc sẵn	Ống cống BTCT sản xuất bằng công nghệ rung ép D1500, dày 140mm, dài 2,5m cấp tải tiêu chuẩn (TC)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					2.500.000				
173	Bê tông đúc sẵn	Ống cống sản xuất bằng công nghệ rung ép BTCT D400, dày 55mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					430.000				
174	Bê tông đúc sẵn	Ống cống sản xuất bằng công nghệ rung ép BTCT D600, dày 70mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					520.000				
175	Bê tông đúc sẵn	Ống cống sản xuất bằng công nghệ rung ép BTCT D800, dày 80mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					960.000				
176	Bê tông đúc sẵn	Ống cống sản xuất bằng công nghệ rung ép BTCT D1000, dày 100mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					1.385.000				
177	Bê tông đúc sẵn	Ống cống sản xuất bằng công nghệ rung ép BTCT D1200, dày 120mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					1.965.000				
178	Bê tông đúc sẵn	Ống cống sản xuất bằng công nghệ rung ép BTCT D1500, dày 140mm, dài 2,5m cấp tải cao (C)	m	TCVN 9113:2012		CN Công ty CP Trường Danh - NM SX VLXD Trường Danh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Lương Yển, xã Lương Ninh					2.935.000				

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
179	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Bim Sơn, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M150	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								873.000	
180	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Bim Sơn, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M200	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								943.000	
181	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Bim Sơn, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M250	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.006.000	
182	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Bim Sơn, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M300	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.037.000	
183	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Bim Sơn, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M350	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.084.000	
184	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Bim Sơn, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M400	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.151.000	
185	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Sông Gianh, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M150	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								855.000	
186	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Sông Gianh, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M200	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								922.000	
187	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Sông Gianh, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M250	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								982.000	
188	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Sông Gianh, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M300	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.012.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
189	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Sông Gianh, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M350	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.057.000	
190	Bê tông thương phẩm	BTTP XM PCB40 Sông Gianh, độ sụt 14 - 17cm, Dmax=20mm	m3		M400	Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Tây Bắc Đồng Hới								1.121.000	
191	Bê tông thương phẩm	Chi phí đổ bê tông bằng cần cẩu	m3			Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam										70.000	
192	Bê tông thương phẩm	Chi phí đổ bê tông bằng máy bơm bê tông tĩnh	m3			Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	Việt Nam										150.000	
193	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M100	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán		900.000		900.000		900.000	900.000		900.000
194	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M150	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán		950.000		950.000		950.000	950.000		950.000
195	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M200	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán		1.000.000		1.000.000		1.000.000	1.000.000		1.000.000
196	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M250	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán		1.050.000		1.050.000		1.050.000	1.050.000		1.050.000
197	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M300	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán		1.100.000		1.100.000		1.100.000	1.100.000		1.100.000
198	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M350	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mật, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán		1.150.000		1.150.000		1.150.000	1.150.000		1.150.000
199	Bê tông thương phẩm	Chi phí đổ bê tông bằng xe bơm bê tông tự hành	m3			Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh	Việt Nam				100.000		100.000		100.000	100.000		100.000

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
200	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M100	Công ty CP KD VLXD Nguyễn Anh I	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: Trạm bê tông Cam Liên, KCN Cam Liên			850.000						
201	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M150	Công ty CP KD VLXD Nguyễn Anh I	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: Trạm bê tông Cam Liên, KCN Cam Liên			900.000						
202	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M200	Công ty CP KD VLXD Nguyễn Anh I	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: Trạm bê tông Cam Liên, KCN Cam Liên			950.000						
203	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M250	Công ty CP KD VLXD Nguyễn Anh I	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: Trạm bê tông Cam Liên, KCN Cam Liên			1.000.000						
204	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M300	Công ty CP KD VLXD Nguyễn Anh I	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: Trạm bê tông Cam Liên, KCN Cam Liên			1.050.000						
205	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M350	Công ty CP KD VLXD Nguyễn Anh I	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: Trạm bê tông Cam Liên, KCN Cam Liên			1.100.000						
206	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M100	Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								850.000	
207	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M150	Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								900.000	
208	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M200	Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								950.000	
209	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M250	Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.000.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
210	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M300	Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.050.000	
211	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M350	Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.100.000	
212	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M400	Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.150.000	
213	Bê tông thương phẩm	Chi phí đổ bê tông bằng xe bơm bê tông tự hành	m3			Công ty CP SXVL XD Nguyễn Anh II	Việt Nam										100.000	
214	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M100	Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								850.000	
215	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M150	Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								900.000	
216	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M200	Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								950.000	
217	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M250	Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.000.000	
218	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M300	Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.050.000	
219	Bê tông thương phẩm	BTTP XM Sông Gianh PCB40, độ sụt 12±2cm, Dmax=20mm	m3		M350	Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam	Chưa bao gồm: chi phí bơm bê tông; nhân công làm mặt, đầm và bảo dưỡng bê tông	Giá tại nơi bán: KCN Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức								1.100.000	
220	Cát xây dựng	Cát mịn	m3						Giá tại nơi bán: Giá tại mỏ	48.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
221	Cát xây dựng	Cát vàng	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Xuân Bò, xã Xuân Thủy			120.000						
222	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH XDTH Thành Nhân	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cầu Khe Sứt, xã Trường Thủy			180.000						
223	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH XD Lương Ninh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Lương Ninh					145.000				
224	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH Phát triển XD TM Nam Khánh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Phú Định		120.000							
225	Cát xây dựng	Cát vàng	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô Hà Su, xã Hưng Trạch		110.000							
226	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH TMVT Hiền Ninh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Điem tập kết tại Long Đại, xã Xuân Ninh					110.000				
227	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH Hoàng Gia	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Tiến Hóa							100.000		
228	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH TM Toàn Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô Bãi Bơi, xã Tiến Hóa							105.000		
229	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH Đức Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi Rì Rì, xã Văn Hóa							100.000		
230	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH Đức Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết thôn Cương Trung C, xã Văn Hóa							100.000		
231	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH Lê Minh Quyết	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Phúc Tùng, xã Đức Hóa							90.000		
232	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.600.000								
233	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định có cửa mở lật nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.700.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
234	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.150.000								
235	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1, 2 cánh mở quay nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.600.000								
236	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1, 2 cánh mở lật nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.450.000								
237	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở trượt nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.350.000								
238	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1, 2 cánh mở quay nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.950.000								
239	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay nhôm Huyndai hệ Xingfa sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8 ly cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	3.150.000								
240	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.600.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
241	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định có cửa mở lật nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.700.000								
242	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.150.000								
243	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1, 2 cánh mở quay nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.600.000								
244	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1, 2 cánh mở lật nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.450.000								
245	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở trượt nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.350.000								
246	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1, 2 cánh mở quay nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.950.000								
247	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) sơn tĩnh điện	m2		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	3.150.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
248	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	1.920.000								
249	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định có cửa mở lật nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.050.000								
250	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.580.000								
251	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1, 2 cánh mở quay nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.120.000								
252	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1, 2 cánh mở lật nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 1,4mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.940.000								
253	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở trượt nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.820.000								
254	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1, 2 cánh mở quay nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.440.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
255	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay nhôm Nam Sung hệ NS-55 (tương đương hệ Xingfa 55) xi mạ Anode	m3		Độ dày khuôn bao khung và cánh cửa 2,0mm; Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính 8mm cường lực; Phụ kiện KinLong hoặc phụ kiện Huy Hoàng cao cấp chính hãng.	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.680.000								
256	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung sơn tĩnh điện: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x120mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.150.000								
257	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung sơn tĩnh điện: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x110mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.000.000								
258	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung sơn tĩnh điện: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x77mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.850.000								
259	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung sơn tĩnh điện: Hệ NS-50, kết cấu khung 50x120mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.850.000								
260	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung sơn tĩnh điện: Hệ NS-50, kết cấu khung 50x110mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.700.000								
261	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung sơn tĩnh điện: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x100mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 5 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	2.550.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
262	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung xi mạ Anode: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x120mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	3.350.000								
263	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung xi mạ Anode: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x110mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	3.250.000								
264	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung xi mạ Anode: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x77mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	3.100.000								
265	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung xi mạ Anode: Hệ NS-50, kết cấu khung 50x120mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	3.050.000								
266	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung xi mạ Anode: Hệ NS-50, kết cấu khung 50x110mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.900.000								
267	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng nhôm Nam Sung xi mạ Anode: Hệ NS-65, kết cấu khung 65x100mm, kính đơn cường lực dày 10mm	m2		Độ dày khuôn 2,5mm	Công ty CP Aluminum Quảng Bình	Việt Nam	Bảo hành 10 năm đối với profile nhôm và 1 năm đối với phụ kiện; Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.750.000								
268	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.817.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
269	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SĐT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.616.000								
270	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,2mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SĐT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.566.000								
271	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SĐT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.562.000								
272	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SĐT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.379.000								
273	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,2mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SĐT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.340.000								
274	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SĐT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.343.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
275	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.337.000								
276	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,2mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.272.000								
277	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.444.000								
278	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,2mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873601	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.412.000								
279	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở hất hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.463.000								
280	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở hất hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,2mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.390.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
281	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở hất hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.510.000								
282	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở hất hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,2mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.438.000								
283	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa lùa 4 cánh mở quay hệ 93, độ dày thanh nhôm 2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.085.000								
284	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa lùa 2 cánh mở quay hệ 93, độ dày thanh nhôm 2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.100.000								
285	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa lùa 2 cánh mở quay hệ 93, độ dày thanh nhôm 1,2mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm hoặc kính cường lực 8mm, phụ kiện chính 3H chính hãng (lê, khóa, chốt, roăng cao su các loại ...), keo Antas và các phụ kiện phụ đồng bộ khác (óc vít lắp đặt các loại, đầu bịt...)	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.861.000								
286	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng semiuntized 65, độ dày thanh nhôm 1,4mm ÷2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 8,38mm	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.178.000								
287	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng XF hệ 65 thanh nhôm dày 1,5-2,5 mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 8,38mm	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.183.000								
288	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm Diện tích >1,0m2	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.466.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
289	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính hệ 55, độ dày thanh nhôm 1,4mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm Diện tích ≤1,0m2	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.199.000								
290	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định hệ 93, độ dày thanh nhôm 1,8mm ÷2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m2		Kính an toàn dày 6,38mm Diện tích >1,0m2	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.876.000								
291	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định hệ 93, độ dày thanh nhôm 1,8mm ÷2,0mm nhôm Việt Pháp (Frandoor) hệ XINGFA	m3		Kính an toàn dày 6,38mm Diện tích ≤1,0m2	Công ty TNHH XDTH Thủy Dương SDT: 0379873599	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.814.000								
292	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định nhôm hệ định hình hệ Euro aluminium và Xingfa aluminium Vạn Thành	m2		Độ dày thanh nhôm 1,4-1,8mm; Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng KinLong-Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.515.000								
293	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định có cửa mở lật nhôm hệ định hình hệ Euro aluminium và Xingfa aluminium Vạn Thành	m2		Độ dày thanh nhôm 1,4-1,8mm; Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng KinLong-Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.635.000								
294	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt nhôm hệ định hình hệ Euro aluminium và Xingfa aluminium Vạn Thành	m2		Độ dày thanh nhôm 1,4-1,8mm; Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng KinLong-Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.931.000								
295	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1, 2 cánh mở hất nhôm hệ định hình hệ Euro aluminium và Xingfa aluminium Vạn Thành	m2		Độ dày thanh nhôm 1,4-1,8mm; Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng KinLong-Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.395.000								
296	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1,2 cánh mở quay nhôm hệ định hình hệ Euro aluminium và Xingfa aluminium Vạn Thành	m2		Độ dày thanh nhôm 1,4-1,8mm; Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng KinLong-Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.550.000								
297	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay nhôm hệ định hình hệ Euro aluminium và Xingfa aluminium Vạn Thành	m2		Độ dày thanh nhôm 1,4-1,8mm; Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng KinLong-Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.750.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
298	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay nhôm hệ định hình hệ Euro aluminium và Xingfa aluminium Vạn Thành	m2		Độ dày thanh nhôm 1,4-1,8mm; Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng KinLong-Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.850.000								
299	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ nhựa lõi thép 2 cánh mở trượt	m2		Thanh nhựa Sparlee và Euro profile. Lõi thép dày 1,2-1,6mm. Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng GQ/Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.468.000								
300	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ nhựa lõi thép 1, 2 cánh mở hất	m2		Thanh nhựa Sparlee và Euro profile. Lõi thép dày 1,2-1,6mm. Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng GQ/Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.796.000								
301	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1,2 cánh mở quay	m2		Thanh nhựa Sparlee và Euro profile. Lõi thép dày 1,2-1,6mm. Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng GQ/Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	1.845.000								
302	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi nhựa lõi thép 1 cánh mở quay	m2		Thanh nhựa Sparlee và Euro profile. Lõi thép dày 1,2-1,6mm. Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng GQ/Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.475.000								
303	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi nhựa lõi thép 2 cánh mở quay	m2		Thanh nhựa Sparlee và Euro profile. Lõi thép dày 1,2-1,6mm. Kính trắng cường lực dày 8mm hoặc kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện kim khí đồng bộ chính hãng GQ/Euro, đinh vít inox304	Công ty TNHH Vạn Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện.	Giá tại nơi bán	2.601.000								
304	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Áng, xã Ngân Thủy			180.000						

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
305	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Áng, xã Ngăn Thủy			190.000						
306	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Áng, xã Ngăn Thủy			170.000						
307	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Áng, xã Ngăn Thủy			160.000						
308	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Áng, xã Ngăn Thủy			155.000						
309	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Áng, xã Ngăn Thủy			145.000						
310	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Áng Sơn					173.000				
311	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Áng Sơn					132.000				
312	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Áng Sơn					123.000				
313	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Áng Sơn					118.000				
314	Đá xây dựng	Đá 0x0,5	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					82.000				
315	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					105.000				
316	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					173.000				
317	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					132.000				

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
318	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					132.000				
319	Đá xây dựng	Đá học	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					132.000				
320	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					114.000				
321	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Hòa Phát	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Khe Ngang, bản Khe Ngang, xã Trường Xuân					109.000				
322	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Con Rào Trù, xã Trường Xuân					130.000				
323	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Con Rào Trù, xã Trường Xuân					180.000				
324	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Con Rào Trù, xã Trường Xuân					160.000				
325	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Con Rào Trù, xã Trường Xuân					150.000				
326	Đá xây dựng	Đá học	m3			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Con Rào Trù, xã Trường Xuân					120.000				
327	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Con Rào Trù, xã Trường Xuân					125.000				
328	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH Thực Linh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Con Rào Trù, xã Trường Xuân					110.000				
329	Đá xây dựng	Đá 0x0,5 (SXBTNN)	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			170.000						

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
330	Đá xây dựng	Đá 0,5x1 (SXBTTN)	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			170.000						
331	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			180.000						
332	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			160.000						
333	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			150.000						
334	Đá xây dựng	Đá học	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			120.000						
335	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			150.000						
336	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			140.000						
337	Đá xây dựng	Đá 2,5x5 (dùng cho công trình đường sắt)	m3			Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Sầm, xã Sơn Thủy			198.000						
338	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty TNHH Bình Phước	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Km27+500 QL9B, xã Ngân Thủy			127.000						
339	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Bình Phước	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Km27+500 QL9B, xã Ngân Thủy			168.000						
340	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Bình Phước	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Km27+500 QL9B, xã Ngân Thủy			145.000						
341	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Bình Phước	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Km27+500 QL9B, xã Ngân Thủy			136.000						

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
342	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Bình Phước	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Km27+500 QL9B, xã Ngân Thủy			118.000						
343	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH Bình Phước	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Km27+500 QL9B, xã Ngân Thủy			127.000						
344	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH Bình Phước	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Km27+500 QL9B, xã Ngân Thủy			109.000						
345	Đá xây dựng	Đá 1x2 (Dmax 1,9 SXBTNN)	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			200.000						
346	Đá xây dựng	Đá 1x2 (Dmax 2,5 SXBTNN)	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			190.000						
347	Đá xây dựng	Đá 0x0,5 (SXBTNN)	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			110.000						
348	Đá xây dựng	Đá 0,5x1 (SXBTNN)	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			130.000						
349	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			152.000						
350	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			145.000						
351	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			142.000						
352	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			128.000						
353	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			118.000						

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
354	Đá xây dựng	Đá 2,5x5 (dùng cho công trình đường sắt)	m3			Công ty CPSXVL & XDCT 405	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Bạc, xã Sơn Thủy			197.000						
355	Đá xây dựng	Đá 0x0,5 (SXBTNN)	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		100.000							
356	Đá xây dựng	Đá 0,5x1 (SXBTNN)	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		150.000							
357	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		180.000							
358	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		150.000							
359	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		150.000							
360	Đá xây dựng	Đá học	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		150.000							
361	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		145.000							
362	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH Một thành viên Trảng An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá tại Lèn Khe Ngang, xã Phúc Trạch		100.000							
363	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Trường An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ Khe Cuồi tại xã Quảng Đông						200.000			
364	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Trường An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ Khe Cuồi tại xã Quảng Đông						190.000			
365	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Trường An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ Khe Cuồi tại xã Quảng Đông						180.000			
366	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH Trường An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ Khe Cuồi tại xã Quảng Đông						146.000			

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
367	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH Trường An	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô Khe Cuối tại xã Quảng Đông						120.000			
368	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty CP Tasco Thành Công	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							218.000		
369	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CP Tasco Thành Công	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							200.000		
370	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CP Tasco Thành Công	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							200.000		
371	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty CP Tasco Thành Công	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							177.000		
372	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty CP Tasco Thành Công	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							168.000		
373	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty CP Tasco Thành Công	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							150.000		
374	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty CP TNHH XDTH Thanh Tiến	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							155.000		
375	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty CP TNHH XDTH Thanh Tiến	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							185.000		
376	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CP TNHH XDTH Thanh Tiến	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							165.000		
377	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CP TNHH XDTH Thanh Tiến	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							155.000		
378	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty CP TNHH XDTH Thanh Tiến	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							120.000		
379	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty CP TNHH XDTH Thanh Tiến	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							130.000		

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
380	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty CP TNHH XDTH Thanh Tiến	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa							110.000		
381	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Thuận Hóa							177.000		
382	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Thuận Hóa							159.000		
383	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Thuận Hóa							150.000		
384	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Thuận Hóa							130.000		
385	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Thuận Hóa							110.000		
386	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Minh Cẩm, xã Phong Hóa							177.000		
387	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Minh Cẩm, xã Phong Hóa							159.000		
388	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Minh Cẩm, xã Phong Hóa							150.000		
389	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Minh Cẩm, xã Phong Hóa							130.000		
390	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Minh Cẩm, xã Phong Hóa							110.000		
391	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mô đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							132.000		

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
392	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mỏ đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							200.000		
393	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mỏ đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							155.000		
394	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mỏ đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							145.000		
395	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mỏ đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							150.000		
396	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mỏ đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							150.000		
397	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mỏ đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							100.000		
398	Đá xây dựng	Đá 2,5x5 (dùng cho công trình đường sắt)	m3			Công ty TNHH XDTH Thạch Ngọc	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Bãi tập kết mỏ đá Lèn Ông Bắc, xã Hương Hóa							197.000		
399	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH XD&TM Đại Thạch	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							200.000		
400	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH XD&TM Đại Thạch	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							150.000		
401	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH XD&TM Đại Thạch	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							141.000		
402	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH XD&TM Đại Thạch	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mỏ đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							141.000		

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
403	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH XD&TM Đại Thạch	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							95.000		
404	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty TNHH XD&TMTH Đức Trường	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							132.000		
405	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH XD&TMTH Đức Trường	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							200.000		
406	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH XD&TMTH Đức Trường	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							150.000		
407	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH XD&TMTH Đức Trường	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							141.000		
408	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty TNHH XD&TMTH Đức Trường	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							141.000		
409	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH XD&TMTH Đức Trường	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Thống Lĩnh, xã Hương Hóa							95.000		
410	Đá xây dựng	Đá 0x0,5	m3			Công ty TNHH XD Thương mại Hoàng Mai/ DN tư nhân vàng bạc Thẩm Chính	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Châu Hóa							91.000		
411	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			Công ty TNHH XD Thương mại Hoàng Mai/ DN tư nhân vàng bạc Thẩm Chính	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Châu Hóa							136.000		
412	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH XD Thương mại Hoàng Mai/ DN tư nhân vàng bạc Thẩm Chính	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Châu Hóa							164.000		
413	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH XD Thương mại Hoàng Mai/ DN tư nhân vàng bạc Thẩm Chính	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Châu Hóa							145.000		
414	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH XD Thương mại Hoàng Mai/ DN tư nhân vàng bạc Thẩm Chính	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Châu Hóa							155.000		

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
415	Đá xây dựng	Đá học	m3			Công ty TNHH XD Thương mại Hoàng Mai/ DN tư nhân vàng bạc Thẩm Chính	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Châu Hóa							141.000		
416	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty TNHH XD Thương mại Hoàng Mai/ DN tư nhân vàng bạc Thẩm Chính	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Hung, xã Châu Hóa							114.000		
417	Đá xây dựng	Đá 1x2 (Dmax 1,9 SXBTNN)	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							200.000		
418	Đá xây dựng	Đá 1x2 (Dmax 2,5 SXBTNN)	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							190.000		
419	Đá xây dựng	Đá 0x0,5 (SXBTNN)	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							130.000		
420	Đá xây dựng	Đá 0,5x1 (SXBTNN)	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							150.000		
421	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							160.000		
422	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							150.000		
423	Đá xây dựng	Đá học	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							130.000		
424	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							140.000		
425	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							120.000		
426	Đá xây dựng	Đá 2,5x5 (dùng cho công trình đường sắt)	m3			Công ty CP khai khoáng AMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Mô đá Lèn Cụt Tai, xã Đức Hóa							190.000		
427	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Hóa Tiến				164.000					
428	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Hóa Tiến				190.000					
429	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Hóa Tiến				173.000					
430	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Hóa Tiến				140.000					
431	Đá xây dựng	Đá học	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Hóa Tiến				123.000					
432	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Hóa Tiến				127.000					
433	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Hóa Tiến				110.000					

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
434	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Yên Hóa				190.000					
435	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Yên Hóa				170.000					
436	Đá xây dựng	Đá hộc	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Yên Hóa				118.000					
437	Đá xây dựng	Sạn 0,5x1	m3			Công ty TNHH XDTH Thành Nhân	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cầu Khe Sứt, xã Trường Thủy			150.000						
438	Đá xây dựng	Sạn 1x2	m3			Công ty TNHH XDTH Thành Nhân	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cầu Khe Sứt, xã Trường Thủy			140.000						
439	Đá xây dựng	Sạn 2x4	m3			Công ty TNHH XDTH Thành Nhân	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cầu Khe Sứt, xã Trường Thủy			115.000						
440	Đá xây dựng	Sạn 4x6	m3			Công ty TNHH XDTH Thành Nhân	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cầu Khe Sứt, xã Trường Thủy			105.000						
441	Đá xây dựng	Sạn 0,5x1	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán	185.000								
442	Đá xây dựng	Sạn 1x2	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán	175.000								
443	Đá xây dựng	Sạn 2x4	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán	150.000								
444	Đá xây dựng	Sạn 4x6	m3				Việt Nam		Giá tại nơi bán	140.000								
445	Đá tự nhiên	Đá Granit tự nhiên màu đen kim sa	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.250.000								
446	Đá tự nhiên	Đá Granit Bình Định màu đen	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	670.000								
447	Đá tự nhiên	Đá Granit xanh đen Bình Định (chấm trắng)	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	650.000								
448	Đá tự nhiên	Đá Granit màu xám chấm đen trắng	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	450.000								
449	Đá tự nhiên	Đá Granit Phú Mỹ Bình Định màu đen	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	380.000								
450	Đá tự nhiên	Đá Granit Hoa Cà Bình Định	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	350.000								
451	Đá tự nhiên	Đá Granit Thanh Hóa màu đen	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	570.000								
452	Đá tự nhiên	Đá Granit Thanh Hóa màu xanh đen	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	630.000								
453	Đá tự nhiên	Đá Granit các màu khác	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	480.000								
454	Gạch ốp lát	Gạch ốp Ceramic men bóng	m2		250x400	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam		Giá tại nơi bán	156.000								
455	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic men mờ	m2		300x300	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam		Giá tại nơi bán	177.000								
456	Gạch ốp lát	Gạch lát Porcelain men mờ	m2		300x300	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam		Giá tại nơi bán	210.000								
457	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic men bóng	m2		400x400	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam	37	Giá tại nơi bán	158.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
458	Gạch ốp lát	Gạch lát Porcelain men mờ	m2		400x400	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam		Giá tại nơi bán	196.000								
459	Gạch ốp lát	Gạch ốp/lát Porcelain men mờ	m2		300x600	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam		Giá tại nơi bán	200.000								
460	Gạch ốp lát	Gạch lát Porcelain men mờ	m2		600x600	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam		Giá tại nơi bán	220.000								
461	Gạch ốp lát	Gạch lát Porcelain mài bóng	m2		600x600	Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Việt Nam		Giá tại nơi bán	220.000								
462	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic Vĩnh Thắng	m2		600x600	Công Ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	125.000								
463	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic Vĩnh Thắng	m2		500x500	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	102.000								
464	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic Catalan	m2		600x600	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	125.000								
465	Gạch ốp lát	Gạch men Granite Viglacera	m2		600x600	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	176.000								
466	Gạch ốp lát	Gạch men Granite Viglacera	m2		800x800	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	222.000								
467	Gạch ốp lát	Gạch Pôcelan Hoàn Mỹ	m2		600x600	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	157.000								
468	Gạch ốp lát	Gạch Pôcelan Hoàn Mỹ	m2		800x800	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	199.000								
469	Gạch ốp lát	Gạch Pôcelan Catalan, Á Mỹ	m2		800x800	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	213.000								
470	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic ốp tường Hoàn Mỹ	m2		300x600	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	93.000								
471	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic ốp tường Catalan	m2		300x600	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	104.000								
472	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic ốp tường Vĩnh Thắng	m2		300x600	Công ty TNHH TMDV Hải Phương	Việt Nam		Giá tại nơi bán	97.000								
473	Gạch ốp lát	Gạch Granitô màu đỏ	m2		300x300		Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.000								
474	Gạch ốp lát	Gạch Granitô màu ghi	m2		300x300		Việt Nam		Giá tại nơi bán	68.200								
475	Gạch ốp lát	Gạch Granitô màu đỏ	m2		400x400		Việt Nam		Giá tại nơi bán	72.700								
476	Gạch ốp lát	Gạch Granitô màu ghi	m2		400x400		Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.000								
477	Gạch ốp lát	Gạch lát Terrazzo	m2		400x400x30	Công ty CP Khoáng Sản Thuận Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.000								
478	Gạch ốp lát	Gạch lát Terrazzo	m2		300x300x30	Công ty CP Khoáng Sản Thuận Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.000								
479	Gạch ốp lát	Gạch lát Terrazzo	m2		400x400x30	Công ty TNHH MTV SXVL Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán	67.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
480	Gạch ốp lát	Gạch lát Terrazzo	m2		300x300x30	Công ty TNHH MTV SXVL Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán	65.000								
481	Gạch ốp lát	Gạch lát Granitô	m2		400x400x30	Công ty TNHH MTV SXVL Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán	67.000								
482	Gạch ốp lát	Gạch lát Granitô	m2		300x300x30	Công ty TNHH MTV SXVL Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán	65.000								
483	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	Công ty CP ĐTPT Cosevco	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Sơn Thủy			1.500						
484	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty CP ĐTPT Cosevco	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Sơn Thủy			1.200						
485	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x150x105	Công ty CP ĐTPT Cosevco	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Sơn Thủy			2.200						
486	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x100x60	Công ty TNHH MTV SXVL Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Ấng Sơn					1.400				
487	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty TNHH MTV SXVL Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Ấng Sơn					1.200				
488	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x145x100	Công ty TNHH MTV SXVL Quảng Bình	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Ấng Sơn					2.300				
489	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		210x105x65	Công ty CP Khoáng Sản Thuận Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Bắc Nghĩa								1.550	
490	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		210x105x65	Công ty CP Khoáng Sản Thuận Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Bắc Nghĩa								1.350	
491	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x145x100	Công ty CP Khoáng Sản Thuận Sơn	Việt Nam		Giá tại nơi bán: KCN Bắc Nghĩa								2.450	
492	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	Công ty TNHH TMBT SOMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cụm CN Thuận Đức								1.550	
493	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty TNHH TMBT SOMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cụm CN Thuận Đức								1.350	
494	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x150x105	Công ty TNHH TMBT SOMI	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Cụm CN Thuận Đức								2.450	
495	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	Công ty TNHH XD Trường Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Lý Trạch		1.550							
496	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty TNHH XD Trường Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Lý Trạch		1.350							
497	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x150x105	Công ty TNHH XD Trường Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Lý Trạch		2.450							
498	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	Công ty VLXD Nguyễn Thị Quỳnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Quảng Hưng						1.650			
499	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty VLXD Nguyễn Thị Quỳnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Quảng Hưng						1.400			
500	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		200x150x100	Công ty VLXD Nguyễn Thị Quỳnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Quảng Hưng						2.450			
501	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		210x100x60	Công ty TNHH Phát Lợi	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Quảng Phú						1.400			

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
502	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		210x100x60	Công ty TNHH Phát Lợi	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Quảng Phú						1.200			
503	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		200x145x100	Công ty TNHH Phát Lợi	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Quảng Phú						2.250			
504	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	HTX DV Sơn Trang	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Phong Hóa							1.400		
505	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	HTX DV Sơn Trang	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Phong Hóa							1.091		
506	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x145x95	HTX DV Sơn Trang	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Phong Hóa							2.150		
507	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.273	
508	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.000	
509	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x150x105	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán								2.045	
510	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thị trấn Đồng Lê							1.455		
511	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thị trấn Đồng Lê							1.091		
512	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x150x105	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thị trấn Đồng Lê							2.000		
513	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		220x105x65	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thị trấn Quy Đạt				1.636					
514	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		220x105x65	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thị trấn Quy Đạt				1.182					
515	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		220x150x105	Công ty CP Cosevco Lê Hóa	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thị trấn Quy Đạt				2.182					
516	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		210x100x60	Công ty TNHH TM&VT Trường Hưng	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Yên Hóa				1.350					
517	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		210x100x60	Công ty TNHH TM&VT Trường Hưng	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Yên Hóa				1.150					
518	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		210x145x95	Công ty TNHH TM&VT Trường Hưng	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Xã Yên Hóa				2.100					
519	Gạch xây	Gạch đặc không nung	viên		210x90x60	Công ty TNHH XD&VL Liên Hương	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Tân Tiến, xã Hóa Tiến				1.250					
520	Gạch xây	Gạch 2 lỗ không nung	viên		210x105x65	Công ty TNHH XD&VL Liên Hương	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Tân Tiến, xã Hóa Tiến				1.250					
521	Gạch xây	Gạch 6 lỗ không nung	viên		190x140x100	Công ty TNHH XD&VL Liên Hương	Việt Nam		Giá tại nơi bán: Thôn Tân Tiến, xã Hóa Tiến				2.200					
522	Gạch xây	Gạch tuynel đặc	viên		220x105x65		Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.700								
523	Gạch xây	Gạch tuynel 2 lỗ	viên		220x105x65		Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.600								
524	Gạch xây	Gạch tuynel 6 lỗ	viên		220x150x105		Việt Nam	40	Giá tại nơi bán	2.600								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
525	Gỗ xây dựng	Ván khuôn phủ phim	m2		Kích thước 1,2x2,4m dày 15mm		Việt Nam		Giá tại nơi bán	140.000								
526	Gỗ xây dựng	Ván khuôn phủ phim	m2		Kích thước 1,2x2,4m dày 18mm		Việt Nam		Giá tại nơi bán	156.000								
527	Gỗ xây dựng	Ván khuôn MDF	m2		Kích thước MDF 1,2x2,4m dày 15mm		Việt Nam		Giá tại nơi bán	167.000								
528	Gỗ xây dựng	Ván khuôn MDF	m2		Kích thước MDF 1,2x2,4m dày 18mm		Việt Nam		Giá tại nơi bán	190.000								
529	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	14.900								
530	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	12.100								
531	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	13.100								
532	Nhựa đường	Nhũ tương gốc Axit 60% xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	12.600								
533	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	13.600								
534	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB1 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	19.400								
535	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB3 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	19.700								
536	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC70 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	20.800								
537	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	17.200								
538	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	14.600								
539	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	15.600								
540	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	16.100								
541	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC70 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	23.300								
542	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	14.200								
543	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	11.700								
544	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	12.700								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
545	Nhựa đường	Nhũ tương gốc Axit 60% xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	12.200								
546	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	13.200								
547	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB1 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	18.400								
548	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB3 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	18.700								
549	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC70 xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	20.300								
550	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	16.300								
551	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	14.200								
552	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	15.200								
553	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	15.700								
554	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC70 phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam		Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	22.800								
555	Nhựa đường	Carboncor Asphalt CA 6.7	tấn				Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.760.000								
556	Nhựa đường	Carboncor Asphalt CA 9.5	tấn				Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.760.000								
557	Nhựa đường	Carboncor Asphalt CA 19 (Bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn				Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.940.000								
558	Sơn	Bột trét tường cao cấp ngoại thất Super Jonton	40 kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	535.000								
559	Sơn	Bột trét tường cao cấp ngoại thất Jonton trắng	40 kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	510.000								
560	Sơn	Bột trét tường nội thất SP Filler	40 kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	341.000								
561	Sơn	Bột trét tường nội thất Jolia	40 kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	296.000								
562	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất Joton Altex	18 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.205.000								
563	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất Joton Altin	18 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.405.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
564	Sơn	Sơn nội thất Joton Jony	18 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	870.000								
565	Sơn	Sơn ngoại thất Joton Jony	18 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.173.000								
566	Sơn	Sơn nội thất Joton Fa	18 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.584.000								
567	Sơn	Sơn chống thấm gốc dầu Joton CT màu	18,5kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.111.000								
568	Sơn	Sơn chống thấm gốc dầu Joton CT trắng	18,5kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Sơn Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.824.000								
569	Sơn	Bột bả NISHU cao cấp nội thất & ngoại thất	40kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	595.000								
570	Sơn	Bột bả NISHU PLAT nội thất & ngoại thất	40kg			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	423.000								
571	Sơn	Sơn nội thất NISHU LAPIS	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	987.000								
572	Sơn	Sơn nội thất NISHU S-JASPER	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.215.000								
573	Sơn	Sơn nội thất NISHU GRAN siêu trắng	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.162.000								
574	Sơn	Sơn ngoại thất NISHU LAPIS	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.542.000								
575	Sơn	Sơn lót chống kiềm NISHU SEALER nội thất	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.030.000								
576	Sơn	Sơn lót chống kiềm NISHU CRYSIN nội thất	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty CP Thành Ngọc Toàn	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.765.000								
577	Sơn	Sơn phủ nội thất mịn PIZARO	18 lít			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	864.000								
578	Sơn	Sơn phủ nội thất mịn cao cấp PLUS MATT	18 lít			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.318.000								
579	Sơn	Sơn nội thất siêu trắng SUPERWHITE	18 lít			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.455.000								
580	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp PIZARO	18 lít			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.000.000								
581	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất cao cấp PRIMER PIZARO	18 lít			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.773.000								
582	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất cao cấp SEALER PIZARO	18 lít			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.545.000								
583	Sơn	Bột bả trong nhà và ngoài trời PIZARO	40kg			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	355.000								
584	Sơn	Bột bả chống thấm PIZARO	40kg			Công ty TNHH Skyline Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	409.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
585	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp	40kg			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	318.000								
586	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp	40kg			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	336.000								
587	Sơn	Sơn lót kiềm nội thất cao cấp	18 lít			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.736.000								
588	Sơn	Sơn lót kiềm ngoại thất cao cấp	18 lít			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.559.000								
589	Sơn	Sơn nội thất JOCDAN trắng	18 lít			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	845.000								
590	Sơn	Sơn mịn nội thất JOCDAN siêu trắng	18 lít			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.800.000								
591	Sơn	Sơn ngoại thất JOCDAN trắng	18 lít			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.000.000								
592	Sơn	Sơn mịn ngoại thất JOCDAN siêu trắng	18 lít			Công ty TNHH SX&TM Sơn Dulux Nano	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.182.000								
593	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất đặc biệt Nano	18lít			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.756.000								
594	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp Nano	18lít			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.471.000								
595	Sơn	Sơn nội thất thông dụng	18lít			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	809.000								
596	Sơn	Sơn mờ mịn nội thất cao cấp	18lít			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.302.000								
597	Sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp	18lít			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.080.000								
598	Sơn	Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng cao cấp	18lít			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.951.000								
599	Sơn	Bột bả nội thất cao cấp	40kg			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	309.000								
600	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp	40kg			Công ty TNHH Sơn JoSan Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	363.000								
601	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	18lít			Công ty CP sơn Jymec Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.481.000								
602	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất cao cấp	18lít			Công ty CP sơn Jymec Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.269.000								
603	Sơn	Sơn nội thất cao cấp dễ lau chùi	18lít			Công ty CP sơn Jymec Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.089.000								
604	Sơn	Sơn nước siêu trắng nội thất cao cấp	18lít			Công ty CP sơn Jymec Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.820.000								
605	Sơn	Sơn nước nội thất 3 IN 1	18lít			Công ty CP sơn Jymec Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	899.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
606	Sơn	Sơn nước ngoại thất	18lít			Công ty CP sơn Jymec Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.500.000								
607	Sơn	Bột bả nội thất và ngoại thất cao cấp	40kg			Công ty CP sơn Jymec Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	448.000								
608	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	21kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.162.000								
609	Sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp	24kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.375.000								
610	Sơn	Sơn mịn nội thất	24kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	725.000								
611	Sơn	Sơn lau chùi hiệu quả	24kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.970.000								
612	Sơn	Sơn siêu trắng phủ trần	24kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.648.000								
613	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	21kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.886.000								
614	Sơn	Sơn mịn ngoại cao cấp	24kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.998.000								
615	Sơn	Bột bả nội thất	40kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	431.000								
616	Sơn	Bột bả ngoại thất	40kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tổng Hợp Phú Xuân	Việt Nam		Giá tại nơi bán	485.000								
617	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất kháng kiềm JOTASHE HM202	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.154.000								
618	Sơn	Sơn nội thất JOTASHE HM306	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.157.000								
619	Sơn	Sơn ngoại thất JOTASHE HM307	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.864.000								
620	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm kháng muối cao cấp HM204	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.746.000								
621	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm kháng muối cao cấp HM201	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.896.000								
622	Sơn	Sơn nội thất siêu trắng trần HM302	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.289.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
623	Sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp Nano Ceramic HM308	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.289.000								
624	Sơn	Sơn mịn nội thất lau chùi hiệu quả HM310	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.792.000								
625	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp HM301	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.609.000								
626	Sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng cao cấp Nano Ceramic HM303	18lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.773.000								
627	Sơn	Bột bả nội thất HIMMEL	40kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	464.000								
628	Sơn	Bột bả ngoại thất HIMMEL	40kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&XD SB	Việt Nam		Giá tại nơi bán	524.000								
629	Sơn	Bột bả nội thất FUJI	40kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	320.000								
630	Sơn	Bột bả ngoại thất FUJI	40kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	400.000								
631	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất FUJI SEALER SH22	22kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.220.000								
632	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất hiệu quả FUJI SEALER F606	22kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.710.000								
633	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất FUJI SEALER SH33	20kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.230.000								
634	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất hiệu quả FUJI SEALER F609	20kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.145.000								
635	Sơn	Sơn nội thất thông dụng FUJI ECO J806	22,5kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	890.000								
636	Sơn	Sơn nội thất siêu trắng trần FUJI SUPERWHITE	21,5kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.850.000								
637	Sơn	Sơn mịn nội thất	21,5kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.550.000								
638	Sơn	Sơn Nano bóng mờ nội thất cao cấp FUJI N88	20kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.950.000								
639	Sơn	Sơn phủ ngoại thất mịn FUJISILKY N77	22kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.800.000								
640	Sơn	Sơn phủ ngoại thất mịn cao cấp FUJI SILKY FJ807	21kg			Công ty CP XNK sơn Hà Nội	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.700.000								
641	Sơn	Sơn nero nội thất N8	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.097.000								
642	Sơn	Sơn nội thất Nero siêu trắng superwhite	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.491.000								
643	Sơn	Sơn Nero Plus nội thất	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.903.000								
644	Sơn	Sơn nero ngoại thất N9	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam	46	Giá tại nơi bán	2.552.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
645	Sơn	Sơn nero plus ngoại thất	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.695.000								
646	Sơn	Sơn lót chống kiềm nero sealer nội thất	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.421.000								
647	Sơn	Sơn lót chống kiềm nero modena sealer	17 lít			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.475.000								
648	Sơn	Sơn chống thấm sàn nero 11A plus	18kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.680.000								
649	Sơn	Bột bả nero nội thất N8	40kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	470.000								
650	Sơn	Bột bả nero ngoại thất N9	40kg			Nhà cung cấp: Công ty TNHH Trường Thanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	530.000								
651	Thép xây dựng	Thép cuộn D6, D8	kg		CB240T	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.400								
652	Thép xây dựng	Thép cuộn D8	kg		CB300V	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.450								
653	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10	kg		CB300V/ SD295A/Gr40	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.550								
654	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12/D13	kg		CB300V/ SD295A/Gr40	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.300								
655	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D14-D25	kg		CB300V/ SD295A/Gr40	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.250								
656	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10	kg		CB400V/ CB500V/Gr60	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	16.200								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
657	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12/D13	kg		CB400V/ CB500V/Gr60	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.900								
658	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D14-D25	kg		CB400V/ CB500V/Gr60	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.800								
659	Thép xây dựng	Thép cuộn VAS D6, D8	kg		CB300-T	Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	14.800								
660	Thép xây dựng	Thép thanh vằn VAS D10	kg		CB300-V	Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.050								
661	Thép xây dựng	Thép thanh vằn VAS D12-D20	kg		CB300-V	Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	14.900								
662	Thép xây dựng	Thép thanh vằn VAS D10	kg		CB400-V	Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.250								
663	Thép xây dựng	Thép thanh vằn VAS D12-D32	kg		CB400-V	Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.100								
664	Thép xây dựng	Thép thanh vằn VAS D10	kg		CB500-V	Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.250								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
665	Thép xây dựng	Thép thanh vằn VAS D12-D32	kg		CB500-V	Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	15.100								
666	Thép xây dựng	Thép dập hộp, U xà gồ (mạ kẽm)	kg				Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	19.030								
667	Thép xây dựng	Thép hình, Thép tấm	kg				Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	17.090								
668	Thép xây dựng	Dây thép buộc	kg				Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	17.280								
669	Thép xây dựng	Đinh	kg				Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	17.280								
670	Thép xây dựng	Que hàn	kg				Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	17.280								
671	Trần, vách thạch cao	Trần phẳng bằng khung xương Zinca-Pro, tấm thạch cao Gyproc 9mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	132.000								
672	Trần, vách thạch cao	Trần phẳng bằng khung xương Zinca-Pro, tấm thạch cao chịu ẩm Gyproc 9mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	128.000								
673	Trần, vách thạch cao	Trần thả 600x600 khung xương Zinca-Pro, tấm thạch cao thả trang trí phủ PVC	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	128.000								
674	Trần, vách thạch cao	Trần thả 600x1200 khung xương Zinca-Pro, tấm thạch cao thả trang trí phủ PVC	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	126.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
675	Trần, vách thạch cao	Vách ngăn thạch cao 2 mặt khung xương Zinca U74, U75 tấm thạch cao Gyproc 12,7mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	250.000								
676	Trần, vách thạch cao	Vách ngăn thạch cao 2 mặt khung xương Zinca U63, U64 tấm thạch cao Gyproc 12,7mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	248.000								
677	Trần, vách thạch cao	Nhân công lắp đặt trần/vách ngăn thạch cao Zinca	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	40.000								
678	Trần, vách thạch cao	Trần nổi Vĩnh Tường Topline 610x1210, tấm Duraflex dày 3,5mm in hoa văn nổi	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	146.000								
679	Trần, vách thạch cao	Trần nổi Vĩnh Tường Fineline 610x1210, tấm thạch cao Gymproc 9mm phủ PVC	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	149.000								
680	Trần, vách thạch cao	Trần chìm phẳng Vĩnh Tường Basi, tấm Thạch cao Gymproc 1220x2440x12,7mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	174.000								
681	Trần, vách thạch cao	Trần chìm phẳng Vĩnh Tường Basi, tấm Thạch cao Gymproc 1220x2440x9mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	147.000								
682	Trần, vách thạch cao	Trần chìm Vĩnh Tường Alpha, tấm Thạch cao Gymproc 1220x2440x9mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	136.000								
683	Trần, vách thạch cao	Trần chìm Vĩnh Tường Alpha, tấm Thạch cao chống ẩm Gymproc 1220x2440x9mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	155.000								
684	Trần, vách thạch cao	Trần chìm phẳng Tika, tấm Thạch cao Gymproc 9mm Vĩnh Tường	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	130.000								
685	Trần, vách thạch cao	Vách ngăn chống cháy 60 phút V-wall, tấm Thạch cao Gymproc chống cháy 15,8mm Vĩnh Tường	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	390.000								
686	Trần, vách thạch cao	Vách ngăn V-wall, tấm Thạch cao Gymproc 12,7mm Vĩnh Tường	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	311.000								
687	Trần, vách thạch cao	Nhân công lắp đặt trần/vách ngăn thạch cao Vĩnh Tường	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	40.000								
688	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói lợp Viglacera	viên				Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.500								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
689	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói lợp Đất Việt	viên				Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.300								
690	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói lợp Hạ Long	viên				Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.500								
691	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói mũi hài Hạ Long	viên				Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.500								
692	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói vảy cá Hạ Long	viên				Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.800								
693	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh Hoa Sen AZ100 khổ 1,2mm dày 0,35mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	106.400								
694	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh Hoa Sen AZ100 khổ 1,2mm dày 0,4mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	120.000								
695	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh Hoa Sen AZ100 khổ 1,2mm dày 0,45mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	133.600								
696	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 khổ 1,2mm dày 0,35mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	106.400								
697	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 khổ 1,2mm dày 0,4mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	120.000								
698	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 khổ 1,2mm dày 0,45mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	133.600								
699	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Phương Nam khổ 1,2m dày 0,37mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	102.200								
700	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Phương Nam khổ 1,2m dày 0,40mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	110.000								
701	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Phương Nam khổ 1,2m dày 0,42mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	116.200								
702	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Phương Nam khổ 1,2m dày 0,45mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	121.400								
703	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn sinh thái Onduline dày 3mm, 10 sóng, chiều cao sóng 38mm	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	200.000								
704	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn sinh thái Onduline Tile 3D dày 3mm, 7 sóng + 6 khoảng trống	m2				Việt Nam		Giá tại nơi bán	192.708								
705	Vật tư ngành điện	Cáp AV 16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.910								
706	Vật tư ngành điện	Cáp CV 1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.490								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
707	Vật tư ngành điện	Dây đơn mềm VCm 0.5mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.060								
708	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x0.5mm2 0.6/1kV AS/NZS	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.100								
709	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x0.75mm2 0.6/1kV AS/NZS	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.770								
710	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 2x4mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	31.450								
711	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 2x6mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	46.590								
712	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 3x0.75mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.280								
713	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 4x4mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	57.600								
714	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 4x6mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	86.880								
715	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 2x1.5mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	18.270								
716	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 2x2.5mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	26.810								
717	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 2x10mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	86.510								
718	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x2.5mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	35.710								
719	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x10mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	120.230								
720	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 4x1.5mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.640								
721	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 4x4mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	68.350								
722	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 4x10mm2 300/500V	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	156.560								
723	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.220								
724	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 2x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.690								
725	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 2x2.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	29.230								
726	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x2.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	38.340								
727	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x4mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	56.950								
728	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x6mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	78.810								
729	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 4x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	33.710								
730	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x4+1x2.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	66.960								
731	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x16+1x10mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	223.990								
732	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x25+1x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	329.890								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
733	Vật tư ngành điện	Cáp CVV 3x35+1x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	425.030								
734	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.890								
735	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 4mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.820								
736	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 6mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	23.720								
737	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 2x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	21.220								
738	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 2x70mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	485.370								
739	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 2x95mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	662.250								
740	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	27.200								
741	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	277.550								
742	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x35mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	375.150								
743	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 4x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	34.020								
744	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 4x2.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	48.490								
745	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 4x4mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	71.280								
746	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x4+1x2.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	66.200								
747	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x6+1x4mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	93.440								
748	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x10+1x6mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	143.460								
749	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x16+1x10mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	222.290								
750	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x35+1x25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	459.360								
751	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x70+1x35mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	829.120								
752	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 3x70+1x50mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	870.990								
753	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 10mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.240								
754	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 70mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	32.990								
755	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 95mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	42.500								
756	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 120mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	53.980								
757	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 300mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	122.550								
758	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 2x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	35.330								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
759	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 2x150mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	164.920								
760	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 2x185mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	198.160								
761	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 3x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	42.620								
762	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 3x25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	56.060								
763	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 4x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	51.750								
764	Vật tư ngành điện	Cáp AXV 4x25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	68.190								
765	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 2x6mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	72.810								
766	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 2x10mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	104.990								
767	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 3x10mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	134.380								
768	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 3x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	190.430								
769	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 3x25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	299.250								
770	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 4x35mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	519.690								
771	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 3x16+1x10mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	227.220								
772	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 3x25+1x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	356.370								
773	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế DK-CVV 3x35+1x25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	488.750								
774	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 2x10mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.240								
775	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 2x11mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	12.220								
776	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 2x120mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	82.460								
777	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 2x150mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	99.150								
778	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 3x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	23.080								
779	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 3x25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.700								
780	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 3x150mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	146.880								
781	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 4x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.250								
782	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 4x95mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	127.380								
783	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 4x120mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	161.330								
784	Vật tư ngành điện	Cáp vận xoắn LV-ABC 4x150mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	194.600								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
785	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex Du-CV 2x6mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	42.640								
786	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex Du-CV 2x7mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	49.870								
787	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex Du-CV 2x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	106.670								
788	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex Du-CV 2x50mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	312.500								
789	Vật tư ngành điện	Cáp CVV/DATA 25mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	119.300								
790	Vật tư ngành điện	Cáp CVV/DSTA 2x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	39.100								
791	Vật tư ngành điện	Cáp CVV/DSTA 3x4+1x2.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	89.290								
792	Vật tư ngành điện	Cáp CXV/DATA 1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	26.330								
793	Vật tư ngành điện	Cáp CXV/DATA 185mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	670.710								
794	Vật tư ngành điện	Cáp CXV/DSTA 2x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	39.100								
795	Vật tư ngành điện	Cáp AXV/DATA 16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	34.420								
796	Vật tư ngành điện	Cáp AXV/DATA 300mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	182.720								
797	Vật tư ngành điện	Cáp AXV/DSTA 2x16mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	52.170								
798	Vật tư ngành điện	Cáp AXV/DSTA 4x300mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	689.560								
799	Vật tư ngành điện	Cáp AXV/DSTA 3x10+1x6mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	51.100								
800	Vật tư ngành điện	Cáp AXV/DSTA 3x300+1x185mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	640.450								
801	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 25mm2 24kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	113.230								
802	Vật tư ngành điện	Cáp CX1V 25mm2 24kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	123.400								
803	Vật tư ngành điện	Cáp AX1V 300mm2 24kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	169.510								
804	Vật tư ngành điện	Cáp AX1V/WBC 300mm2 24kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	182.740								
805	Vật tư ngành điện	Cáp ACXV 50/8mm2 24kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	58.410								
806	Vật tư ngành điện	Cáp ACXV 300/39mm2 24kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	181.370								
807	Vật tư ngành điện	Cáp CV/Fr 1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.490								
808	Vật tư ngành điện	Cáp CXV/Fr 2.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	18.480								
809	Vật tư ngành điện	Cáp CXV/Fr 2x1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	39.100								
810	Vật tư ngành điện	Cáp CXV/FRT 1.5mm2 0.6/1kV	m			Công ty CP dây cáp điện Việt Thái	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.600								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
811	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V	m		VC-0,50 (F 0,80)-300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.450								
812	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V	m		VC-1,00 (F1,13)-300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.070								
813	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m		VCmd-2x0,5-(2x16/0,2)-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.660								
814	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m		VCmd-2x0,75-(2x24/0,2)-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.570								
815	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m		VCmd-2x1-(2x32/0,2)-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.430								
816	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m		VCmd-2x1,5-(2x30/0,25)-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	12.000								
817	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m		VCmd-2x2,5-(2x50/0,25)-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	19.460								
818	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V (ruột đồng)	m		VCmo-2x1-(2x32/0,2)-300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.680								
819	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V (ruột đồng)	m		VCmo-2x1,5-(2x30/0,25)- 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.640								
820	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V (ruột đồng)	m		VCmo-2x6-(2x7x12/0,30)- 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	49.610								
821	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (ruột đồng)	m		CV-1.5 (7/0,52) -0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.240								
822	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (ruột đồng)	m		CV-2.5 (7/0,67)-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.180								
823	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (ruột đồng)	m		CV-10 (7/1,35)-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	37.460								
824	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (ruột đồng)	m		CV-50-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	169.310								
825	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (ruột đồng)	m		CV-240-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	850.730								
826	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (ruột đồng)	m		CV-300-0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.067.060								
827	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-1 (1x7/0,425) – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.990								
828	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-1.5 (1x7/0,52) – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.010								
829	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-6.0 (1x7/1,04) – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	26.550								
830	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-25 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	95.400								
831	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-50– 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	176.740								
832	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-95 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	345.150								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
833	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-150 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	533.930								
834	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-2x1.5 (2x7/0.52)– 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.040								
835	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-2x4 (2x7/0.85)– 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	42.530								
836	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-2x10 (2x7/1.35)– 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	94.840								
837	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x1.5 (3x7/0.52) – 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	26.440								
838	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x2.5 (3x7/0.67) – 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	39.150								
839	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x6 (3x7/1.04) – 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	81.680								
840	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-4x1.5 (4x7/0.52) – 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	33.640								
841	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-4x2.5 (4x7/0.67) – 300/500 V	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	49.840								
842	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-2x16 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	147.040								
843	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-2x25 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	213.190								
844	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-2x150 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.116.000								
845	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-2x185 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.389.150								
846	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x16 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	203.510								
847	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x50 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	548.330								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
848	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x95 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.065.710								
849	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x120 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.379.590								
850	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-4x16 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	261.230								
851	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-4x25 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	395.210								
852	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-4x50 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	722.480								
853	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-4x120 – 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.827.790								
854	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x16+1x10 - 0,6/1kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	245.590								
855	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x25+1x16 -0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	361.690								
856	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x50+1x25 -0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	642.940								
857	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x95+1x50 -0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.240.200								
858	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m		CVV-3x120+1x70 - 0,6/1 kV	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.635.750								
859	Vật tư ngành điện	Quạt trần công nghiệp	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán	500.000								
860	Vật tư ngành điện	Quạt trần Điện Cơ 91	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán	655.000								
861	Vật tư ngành điện	Quạt treo tường Senko 65W	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán	409.000								
862	Vật tư ngành điện	Quạt treo tường Senko 47W	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán	291.000								
863	Vật tư ngành điện	Quạt treo tường Asia	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán	345.000								
864	Vật tư ngành điện	Đèn LED Downlight AT24 90/8W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	130.000								
865	Vật tư ngành điện	Đèn LED Downlight AT24 110/10W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	58	Giá tại nơi bán	185.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
866	Vật tư ngành điện	Đèn LED Downlight AT24 110/12W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	200.000								
867	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 80/10Wx1.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	370.000								
868	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 80x80/10Wx1.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	400.000								
869	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 80x160/10Wx2.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	790.000								
870	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 80x240/10Wx3.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.195.000								
871	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 160x160/10Wx4.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.550.000								
872	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 100/16Wx1.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	570.000								
873	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 108x108/16Wx1.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	590.000								
874	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 108x208/16Wx2.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.160.000								
875	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 108x308/16Wx3.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.720.000								
876	Vật tư ngành điện	Đèn LED downlight AT25 208x208/16Wx4.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.242.000								
877	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 300x300/24W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	762.000								
878	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 300x600/28W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	912.000								
879	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 150x1200/28W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.037.000								
880	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 600x600/35W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.213.000								
881	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 300x1200/35W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.213.000								
882	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 600x600/48W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.502.000								
883	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 300x1200/48W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.502.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
884	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 600x1200/75W.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.415.000								
885	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 600x600/35W.UGR.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400.000								
886	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 300x1200/35W.UGR.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400.000								
887	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 600x600/48W.UGR.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.759.000								
888	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 300x1200/48W.UGR.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.759.000								
889	Vật tư ngành điện	Đèn LED Panel P07 600x1200/75W.UGR.PLUS (KPK)	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.930.000								
890	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HBM02 100W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.450.000								
891	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HBM02 150W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.300.000								
892	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HBM02 200W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.000.000								
893	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HBM02 250W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.500.000								
894	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HB03 290/100W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.963.000								
895	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HB03 350/120W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.690.000								
896	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HB03 350/150W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.946.000								
897	Vật tư ngành điện	Đèn LED Highbay HB03 390/200W.PLUS	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.000.000								
898	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED Tube T8 CA01/20Wx1.PLUS	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	847.000								
899	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED Tube T8 CA01/20Wx2.PLUS	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.165.000								
900	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED Tube T8 TT01 CA01/20Wx1.PLUS	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	741.000								
901	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED Tube T8 TT01 CA01/20Wx2.PLUS	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	970.000								
902	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD09 30W.PLUS	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.200.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
903	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD09 50W.PLUS	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400.000								
904	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD02 30W	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	858.000								
905	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD02 60W	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.900.000								
906	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD02 70W	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.100.000								
907	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD02 100W	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.850.000								
908	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD02 120W	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.070.000								
909	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD02 150W	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.720.000								
910	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD02 200W	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.566.000								
911	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 80W 4000K-5000K	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.900.000								
912	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 100W 4000K-5000K	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.100.000								
913	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 120W 4000K-5000K	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.300.000								
914	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 150W 4000K-5000K	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.500.000								
915	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 200W 4000K-5000K	bộ			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.000.000								
916	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 80w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.080.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
917	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 100w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.450.000								
918	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 120w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.600.000								
919	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 150w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.500.000								
920	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 200w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.900.000								
921	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 80w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.280.000								
922	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 100w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.650.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
923	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 120w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.800.000								
924	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 150w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.700.000								
925	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD08 200w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét ≥20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.100.000								
926	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 80w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.700.000								
927	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 100w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.900.000								
928	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 120w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.850.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
929	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 150w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.950.000								
930	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 180w.QB	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.900.000								
931	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 80w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.155.000								
932	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 100w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.100.000								
933	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 120w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.050.000								
934	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 150w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.150.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
935	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD04 180w.QB nema	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK09; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	13.300.000								
936	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD05 100w (QB) 4000/5000k, tuổi thọ 100.000giờ	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.900.000								
937	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD05 120w (QB) 4000/5000k, tuổi thọ 100.000giờ	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.200.000								
938	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường CSD05 120w (QB) 4000/5000k, tuổi thọ 100.000giờ	cái		Hiệu suất phát quang 130Lm/W; Chỉ số hoàn màu CRI ≥70; hệ số công suất 0,95; cấp bảo vệ IP66, IK08; nhiệt độ màu 4000/5000K; tuổi thọ: 100.000h(L70); dải điện áp dụng 100-277VAC; khả năng chịu xung sét 20kV, 20kA	Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.900.000								
939	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển đèn chiếu sáng thông minh RD-CSD.ĐK01	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.700.000								
940	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu pha đổi màu CP09.RGB 20W.QB	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.056.000								
941	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng cảnh quan DCQ02 60W 5000K	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.200.000								
942	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu pha CP06 50W	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	628.000								
943	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu pha CP06 100W	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.072.000								
944	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu pha CP06 150W	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.766.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
945	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu pha CP06 200W	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.226.000								
946	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 50A. Model: TDKCS IOT 50A	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	75.900.000								
947	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 70A. Model: TDKCS IOT 70A	cái			Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Giá tại nơi bán	81.300.000								
948	Vật tư ngành điện	Đèn Led IOTA L615xW380xH140mm, 100W	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,85; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 220 50/60Hz; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 2500K-6500K; Nhiệt độ làm việc (-45°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.223.000								
949	Vật tư ngành điện	Đèn Led IOTA L615xW380xH140mm, 100W, DIM 3-5 cấp công suất	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,85; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 220 50/60Hz; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 2500K-6500K; Nhiệt độ làm việc (-45°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.608.100								
950	Vật tư ngành điện	Đèn Led IOTA L650xW380xH140mm, 120W	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,85; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 220 50/60Hz; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 2500K-6500K; Nhiệt độ làm việc (-45°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.774.000								
951	Vật tư ngành điện	Đèn Led IOTA L650xW380xH140mm, 150W	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,85; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 220 50/60Hz; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 2500K-6500K; Nhiệt độ làm việc (-45°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.135.000								
952	Vật tư ngành điện	Đèn Led IOTA L753xW366xH186mm, 150W, DIM 3-5 cấp công suất	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,85; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 220 50/60Hz; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 2500K-6500K; Nhiệt độ làm việc (-45°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.721.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
953	Vật tư ngành điện	Đèn Led IOTA L650xW380xH140mm, 180W, DIM 3-5 cấp công suất	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,85; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 220 50/60Hz; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 2500K-6500K; Nhiệt độ làm việc (-45°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.982.000								
954	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 40W	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.820.000								
955	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 50W	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.022.000								
956	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 60W, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.380.000								
957	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 75W, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.600.000								
958	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 90W, DIM 3-5 cấp công suất	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.650.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
959	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 99W, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.880.000								
960	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 100W, DIM 3-5 cấp công suất,	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.992.000								
961	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 100W, DIM 3-5 cấp công suất, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.050.000								
962	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 120W	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.760.000								
963	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 120W, DIM 3-5 cấp công suất	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.500.000								
964	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 125W, DIM 3-5 cấp công suất	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.585.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
965	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 150W, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.535.000								
966	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 150W, DIM 3-5 cấp công suất, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.035.000								
967	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 160W, DIM 3-5 cấp công suất, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.250.000								
968	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED A-WIN 200W, DIM 3-5 cấp công suất, DALI	cái		Quang hiệu ≥120Lm/W; Chỉ số hoàn màu Ra>85; Hệ số công suất 0,96; Tuổi thọ >50.000h; Điện áp sử dụng AC 90-265V; Độ kín khít IP66; Nhiệt độ màu 3000K-7000K; Nhiệt độ làm việc (-30°C- +50°C); Chống sét 10kv-50kv	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.849.000								
969	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.200.000								
970	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.694.000								
971	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.800.000								
972	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.095.000								
973	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 300x300	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.350.000								
974	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam	69	Giá tại nơi bán	3.450.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
975	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.750.000								
976	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 300x300	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.788.000								
977	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.988.000								
978	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.213.000								
979	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.440.000								
980	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.440.000								
981	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.333.000								
982	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.968.000								
983	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.090.000								
984	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.190.000								
985	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3.5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.690.000								
986	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.700.000								
987	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.800.000								
988	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.200.000								
989	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.500.000								
990	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.900.000								
991	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	cái		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBD&CS Miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.100.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1009	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX 120W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$, IP66, IK08, CRI ≥ 80 ,Sử dụng LED SMD 5050, chống sét $\geq 20\text{kV}$, Tuổi thọ : 100.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.238.000								
1010	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI 80W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$, IP66, IK08, CRI ≥ 80 ,Sử dụng LED SMD 5050, chống sét $\geq 20\text{kV}$, Tuổi thọ : 100.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.325.000								
1011	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI 90W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$, IP66, IK08, CRI ≥ 80 ,Sử dụng LED SMD 5050, chống sét $\geq 20\text{kV}$, Tuổi thọ : 100.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.625.000								
1012	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI 100W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$, IP66, IK08, CRI ≥ 80 ,Sử dụng LED SMD 5050, chống sét $\geq 20\text{kV}$, Tuổi thọ : 100.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.038.000								
1013	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI 110W-120W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$, IP66, IK08, CRI ≥ 80 ,Sử dụng LED SMD 5050, chống sét $\geq 20\text{kV}$, Tuổi thọ : 100.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.413.000								
1014	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX 60W-80W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kV}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.963.000								
1015	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX 90W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kV}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.113.000								
1016	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX 100W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kV}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.188.000								
1017	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX 120W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kV}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.675.000								
1018	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI 80W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kV}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.988.000								
1019	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI 90W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kV}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.213.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1020	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI 100W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kv}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.625.000								
1021	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI 120W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 130\text{Lm/W}$,CRI ≥ 80 ,Chống sét $\geq 20\text{kv}$, IP66, IK08, Tuổi thọ : 50.000giờ	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.263.000								
1022	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D130/58mm, H=6m tôn dày 3mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.824.500								
1023	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D140/58mm, H=7m tôn dày 3mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.252.500								
1024	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D150/58mm, H=8m tôn dày 3mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.025.500								
1025	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D151/58mm, H=8m tôn dày 3,5mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.105.500								
1026	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D161/58mm, H=9m tôn dày 3,5mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.974.900								
1027	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D171/58mm, H=10m tôn dày 3,5mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.264.700								
1028	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D182/58mm, H=11m tôn dày 4mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.747.700								
1029	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D192/58mm, H=11m tôn dày 4mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.260.000								
1030	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 6m D150/78-3mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.222.500								
1031	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 7m D160/78-3mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.066.900								
1032	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D171/78-3,5mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.898.600								
1033	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 9m D182/78-4mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.716.800								
1034	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m D192/78-4mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.483.000								
1035	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 11m D202/78-4mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.274.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1036	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-01 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.566.000								
1037	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-01 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.174.500								
1038	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-04 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.616.000								
1039	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-04 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.374.000								
1040	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-05 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.523.000								
1041	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-05 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.965.000								
1042	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-06 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.047.500								
1043	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-06 cao 2m, vưom 1,5m, dày 3mm	cái		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP WINCO Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.426.500								
1044	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm. Dn=56mm; Dg =134mm.	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.846.000								
1045	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3,5mm. Dn=56mm; Dg =134mm.	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.169.000								
1046	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm. Dn=56mm; Dg =150mm.	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.511.000								
1047	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3.5mm. Dn=56mm; Dg =150mm.	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.835.000								
1048	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3,5mm. Dn=56mm; Dg =161mm.	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.341.000								
1049	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm. Dn=56mm; Dg =172mm.	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.657.000								
1050	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=11m tôn dày 4mm. Dn=56mm; Dg =183mm.	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.163.000								
1051	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn H=6m (D78-3mm). Dn=78mm; Dg=144mm.	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.206.000								
1052	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn H=7m (D78-3mm). Dn=78mm; Dg=154mm.	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.914.000								
1053	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn H=8m (D78-3.5mm). Dn=78mm; Dg=165mm.	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.532.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1054	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m (D78-4mm). Dn=78mm; Dg=165mm.	cột		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.190.000								
1055	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn H=9m (D78-4mm). Dn=78mm; Dg=175mm.	cột		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.404.000								
1056	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m (D78-4mm). Dn=78mm; Dg=186mm.	cột		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.163.000								
1057	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn H=11m (D78-4mm). Dn=78mm; Dg=196mm	cột		Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.669.000								
1058	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-02 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.457.000								
1059	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-08 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.366.000								
1060	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-10 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.568.000								
1061	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-15 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.508.000								
1062	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-22 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.467.000								
1063	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-27 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.649.000								
1064	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-29 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.563.000								
1065	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-32 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.487.000								
1066	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-44 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.508.000								
1067	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-01 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.014.000								
1068	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-02 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.963.000								
1069	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-04 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.064.000								
1070	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-11 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.892.000								
1071	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-12 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.680.000								
1072	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-13 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.913.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1073	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-14 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.892.000								
1074	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-15 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.892.000								
1075	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-21 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.973.000								
1076	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-23 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.902.000								
1077	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-26 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.014.000								
1078	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-28 cao 2m vươn xa 1,5m	bộ		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.963.000								
1079	Vật tư ngành điện	Chùm cột trang trí sân vườn CH 02 - 4/5	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.226.000								
1080	Vật tư ngành điện	Chùm cột trang trí sân vườn CH 11 - 4/5	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.005.000								
1081	Vật tư ngành điện	Chùm cột trang trí sân vườn CH 08 - 4/5	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.121.000								
1082	Vật tư ngành điện	Chùm cột trang trí sân vườn CH 09 - 1/2	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.675.000								
1083	Vật tư ngành điện	Chùm cột trang trí sân vườn CH 12 - 4/5	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.345.000								
1084	Vật tư ngành điện	Chùm cột trang trí sân vườn RUBY - 2	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	830.000								
1085	Vật tư ngành điện	Chùm cột trang trí sân vườn ARLEQUEN - 3/4	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	883.000								
1086	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu đục D300 + Loại LED 7W	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	473.000								
1087	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu đục D400 + Loại LED 9W	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	528.000								
1088	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu đục D400 + Loại LED 12W	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	550.000								
1089	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu trong D300 + Loại LED 7W + Tháp son	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	572.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1090	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu trong D400 + Loại LED 9W + Tháp son	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	594.000								
1091	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu trong D400 + Loại LED 12W + Tháp son	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	616.000								
1092	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu sọc D400 + Loại LED 12W	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	528.000								
1093	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Cầu đục LOTUS D400 + Loại LED 12W	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	616.000								
1094	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Đèn cầu JUPITER	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.155.000								
1095	Vật tư ngành điện	Đèn trang trí sân vườn (không bao gồm bóng): Đèn cầu TULIP	bộ			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	715.000								
1096	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led MDC - F04-200W	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.200.000								
1097	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led MDC - F04-300W	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.500.000								
1098	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led MDC - F04-500W	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.500.000								
1099	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led MDC - F06 - 200W	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.930.000								
1100	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led MDC - F06 - 400W	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.950.000								
1101	Vật tư ngành điện	Giá đỡ tủ điện	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	545.000								
1102	Vật tư ngành điện	Khung móng cột M16x340x340x500	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	353.000								
1103	Vật tư ngành điện	Khung móng cột M16x240x240x525	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	302.000								
1104	Vật tư ngành điện	Khung móng cột M24x300x300x675	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	567.000								
1105	Vật tư ngành điện	Khung móng cột đa giác M24x1375x8T	cái			Công ty CP Đầu tư và Phát triển ĐCS MDC TECH.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.082.000								
1106	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cân đơn 6m -3mm	cột		Cột thép liền cân đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.220.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1107	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn 7m -3mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.860.000								
1108	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn 8m-3mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.530.000								
1109	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn 9m- 3,5mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.360.000								
1110	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn 10m - 4mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.670.000								
1111	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn 11m - 4mm	cột		Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.180.000								
1112	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 6m, F78 -3mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.220.000								
1113	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 7m, F78 -3mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.925.000								
1114	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 8m, F78 -3mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.540.000								
1115	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 8m, F78 -3,5mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.200.000								
1116	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 9m, F78 -3,5mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.420.000								
1117	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 10m, F78 -3,5mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.670.000								
1118	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 10m, F78 -4mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.175.000								
1119	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn 11m, F78 -4mm	cột		Cột thép đầu ngon D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.680.000								
1120	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-B01 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.580.000								
1121	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-B02 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.520.000								
1122	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-B03 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.520.000								
1123	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-B04 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.480.000								
1124	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-B05 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.470.000								
1125	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-B06 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.380.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1126	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-B01 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.020.000								
1127	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-B02 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.970.000								
1128	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-B03 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.900.000								
1129	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-B04 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.920.000								
1130	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-B05 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.900.000								
1131	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-B06 cao 2m vưon 1,5m	cột		Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng	Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.980.000								
1132	Vật tư ngành điện	Khung móng M16x240x240x525	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	310.000								
1133	Vật tư ngành điện	Khung móng M16x340x340x500	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	370.000								
1134	Vật tư ngành điện	Khung móng M24x300x300x675	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	580.000								
1135	Vật tư ngành điện	Khung móng cột đa giác M24x1375x8T	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.100.000								
1136	Vật tư ngành điện	Cột DC 06 đế gang + thân gang/thân nhôm	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.640.000								
1137	Vật tư ngành điện	Cột DC 07 đế gang + thân gang/thân nhôm	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.950.000								
1138	Vật tư ngành điện	Cột DC 05B đế gang + thân gang/thân nhôm	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.810.000								
1139	Vật tư ngành điện	Cột Pine đế gang + thân nhôm	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.000.000								
1140	Vật tư ngành điện	Cột Nouvo + thân nhôm	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.000.000								
1141	Vật tư ngành điện	Chùm CH02-4	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.250.000								
1142	Vật tư ngành điện	Chùm CH02-5	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400.000								
1143	Vật tư ngành điện	Chùm CH04-4	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.850.000								
1144	Vật tư ngành điện	Chùm CH04-5	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.700.000								
1145	Vật tư ngành điện	Chùm CH06-4	cột			Công ty TNHH TBXD&CSĐT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.250.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1146	Vật tư ngành điện	Chùm CH06-5	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400.000								
1147	Vật tư ngành điện	Chùm CH07-4	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.250.000								
1148	Vật tư ngành điện	Chùm CH07-5	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400.000								
1149	Vật tư ngành điện	Chùm CH08-4	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.250.000								
1150	Vật tư ngành điện	Chùm CH08-5	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400.000								
1151	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-1	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.685.000								
1152	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-2	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.800.000								
1153	Vật tư ngành điện	Chùm CH11-4	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.020.000								
1154	Vật tư ngành điện	Chùm CH11-5	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.200.000								
1155	Vật tư ngành điện	Chùm CH12-4 (lắp trên cột Nouvo)	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.350.000								
1156	Vật tư ngành điện	Chùm Ruby-2	cột			Công ty TNHH TBXD&CSDT Tấn Phát Hưng Yên	Việt Nam		Giá tại nơi bán	850.000								
1157	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phố KMC 30W, quang thông bộ đèn ≥ 4050 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.600.000								
1158	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phố KMC 50W, quang thông bộ đèn ≥ 6750 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.909.000								
1159	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phố KMC 60W, quang thông bộ đèn >= 8100 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.600.000								
1160	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phố KMC 70W, quang thông bộ đèn >= 9450 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.909.000								
1161	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phố KMC 80W, quang thông bộ đèn ≥ 10.800 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.200.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1162	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ KMC 90W, quang thông bộ đèn ≥ 12.150 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.300.000								
1163	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ KMC 100W, quang thông bộ đèn ≥ 13.500 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.000.000								
1164	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ KMC 120W, quang thông bộ đèn ≥ 16.200 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.500.000								
1165	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ KMC 150W, quang thông bộ đèn ≥18.900 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.000.000								
1166	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ KMC 180W, quang thông bộ đèn ≥18.900 Lm/W	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥135Lm/W Cấp bảo vệ IP66, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20Kv	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.000.000								
1167	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 40W, quang thông bộ đèn ≥ 6000 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 150 Lm/W, IK10	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.864.000								
1168	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 50W, quang thông bộ đèn ≥ 7500 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 150 Lm/W, IK10	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.500.000								
1169	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 60W, quang thông bộ đèn ≥ 8700 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 145 Lm/W, IK10	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.000.000								
1170	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 80W, quang thông bộ đèn ≥ 12.800 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 160 Lm/W, IK08	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.182.000								
1171	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 100W, quang thông bộ đèn ≥ 16.000 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 160 Lm/W, IK08	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.318.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1172	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 120W, quang thông bộ đèn ≥ 19.200 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 160 Lm/W, IK08	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.318.000								
1173	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 150W, quang thông bộ đèn ≥ 24.000 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 160 Lm/W, IK08	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.727.000								
1174	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ DMC 180W, quang thông bộ đèn ≥ 28.800 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 160 Lm/W, IK08	bộ		Cấp bảo vệ IP67, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	16.818.000								
1175	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ CMOS 60W, quang thông bộ đèn ≥ 9000 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 150 Lm/W,	bộ		Cấp bảo vệ IP68, IK10, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.318.000								
1176	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ CMOS 80W, quang thông bộ đèn ≥ 11.600 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 145 Lm/W	bộ		Cấp bảo vệ IP68, IK10, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.545.000								
1177	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ CMOS 107W, quang thông bộ đèn ≥ 16.050 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 150 Lm/W	bộ		Cấp bảo vệ IP68, IK10, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.727.000								
1178	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ CMOS 123W, quang thông bộ đèn ≥ 18.450 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 150 Lm/W	bộ		Cấp bảo vệ IP68, IK10, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	13.136.000								
1179	Vật tư ngành điện	Đèn CMOS 150W, quang thông bộ đèn ≥ 22.500 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 150 Lm/W	bộ		Cấp bảo vệ IP68, IK10, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	14.454.000								
1180	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ CMOS 180W, quang thông bộ đèn ≥ 26.100 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 145 Lm/W	bộ		Cấp bảo vệ IP68, IK10, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20 kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	17.277.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1181	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ CMOS 200W, quang thông bộ đèn ≥29.000 Lm, hiệu suất quang bộ đèn ≥ 145 Lm/W	bộ		Cấp bảo vệ IP68, IK10, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥ 20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	20.364.000								
1182	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ bằng năng lượng mặt trời FS168 20W	bộ		Pin lưu trữ năng lượng Lithium LiFePO4, tấm thu năng lượng công nghệ Monocrystalline panel, công nghệ sạc MPPT, hiệu suất phát quang ≥ 170 lm/W	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.200.000								
1183	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ bằng năng lượng mặt trời FS168 40W	bộ		Pin lưu trữ năng lượng Lithium LiFePO4, tấm thu năng lượng công nghệ Monocrystalline panel, công nghệ sạc MPPT, hiệu suất phát quang ≥ 170 lm/W	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.200.000								
1184	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ bằng năng lượng mặt trời FS168 60W	bộ		Pin lưu trữ năng lượng Lithium LiFePO4, tấm thu năng lượng công nghệ Monocrystalline panel, công nghệ sạc MPPT, hiệu suất phát quang ≥ 170 lm/W	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.800.000								
1185	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường phổ bằng năng lượng mặt trời FS168 80W	bộ		Pin lưu trữ năng lượng Lithium LiFePO4, tấm thu năng lượng công nghệ Monocrystalline panel, công nghệ sạc MPPT, hiệu suất phát quang ≥ 170 lm/W	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	17.800.000								
1186	Vật tư ngành điện	Đèn Led trang trí sân vườn GL03, công suất 30W - 50W	bộ		Cấp bảo vệ IP66, chống xung sét ≥ 20kV, Diming 2-5 cấp	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 3 năm	Giá tại nơi bán	8.727.000								
1187	Vật tư ngành điện	Đèn Led trang trí sân vườn GL03, công suất 55W - 80W	bộ		Cấp bảo vệ IP66, chống xung sét ≥ 20kV, Diming 2-5 cấp	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 3 năm	Giá tại nơi bán	9.545.000								
1188	Vật tư ngành điện	Đèn Led trang trí sân vườn GL06, công suất 30W - 50W	bộ		Cấp bảo vệ IP66, chống xung sét ≥ 20kV, Diming 2-5 cấp	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 3 năm	Giá tại nơi bán	9.909.000								
1189	Vật tư ngành điện	Đèn Led trang trí sân vườn GL06, công suất 55W - 80W	bộ		Cấp bảo vệ IP66, chống xung sét ≥ 20kV, Diming 2-5 cấp	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 3 năm	Giá tại nơi bán	10.364.000								
1190	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 70W, quang thông bộ đèn ≥9.450 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	3.727.000								
1191	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 80W, quang thông bộ đèn ≥10.800 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	3.818.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1192	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 90W, quang thông bộ đèn ≥12.150 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	4.000.000								
1193	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 100W, quang thông bộ đèn ≥13.500 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	4.182.000								
1194	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 120W, quang thông bộ đèn ≥16.200 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	5.000.000								
1195	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 150W, quang thông bộ đèn ≥20.250 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	5.182.000								
1196	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 180W, quang thông bộ đèn ≥24.300 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	6.091.000								
1197	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 200W, quang thông bộ đèn ≥27.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	6.364.000								
1198	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 280W, quang thông bộ đèn ≥37.800 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	7.727.000								
1199	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 330W, quang thông bộ đèn ≥44.550 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	8.182.000								
1200	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F318 - 360W, quang thông bộ đèn ≥48.600 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥ 135 Lm/W, cấp bảo vệ IP66, IK08, diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	8.818.000								
1201	Vật tư ngành điện	Đèn F328 - 100W, quang thông bộ đèn ≥15.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.136.000								
1202	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 120W, quang thông bộ đèn ≥18.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.000.000								
1203	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 150W, quang thông bộ đèn ≥22.500 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.000.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1204	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 200W, quang thông bộ đèn ≥30.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	13.136.000								
1205	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 330W, quang thông bộ đèn ≥49.500 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	17.318.000								
1206	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 360W, quang thông bộ đèn ≥54.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	20.000.000								
1207	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 400W, quang thông bộ đèn ≥60.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	29.000.000								
1208	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 500W, quang thông bộ đèn ≥75.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	31.000.000								
1209	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F328 - 600W, quang thông bộ đèn ≥90.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥150 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	32.818.000								
1210	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 30W, quang thông bộ đèn ≥3.900 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.900.000								
1211	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 40W, quang thông bộ đèn ≥5.200 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.091.000								
1212	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 50W, quang thông bộ đèn ≥6.500 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.318.000								
1213	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 60W, quang thông bộ đèn ≥7.800 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.682.000								
1214	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 70W, quang thông bộ đèn ≥9.100 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.909.000								
1215	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 80W, quang thông bộ đèn ≥10.400 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.227.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1216	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 90W, quang thông bộ đèn ≥11.700 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.500.000								
1217	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 100W, quang thông bộ đèn ≥13.000 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.227.000								
1218	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 120W, quang thông bộ đèn ≥15.600 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.000.000								
1219	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led F310 - 150W, quang thông bộ đèn ≥19.500 Lm	bộ		Hiệu suất quang bộ đèn ≥130 Lm/W, Cấp bảo vệ IP67, IK08, Diming 2-5 cấp, chống xung sét ≥20kV	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.000.000								
1220	Vật tư ngành điện	Cột sân vườn MFUHailight FH-26 (dùng lắp đèn trang trí LED GL)	trụ		Trụ bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cao 3.55m - Giật cấp. Sơn trang trí bên ngoài bằng 2 lớp sơn đặc biệt, bền màu, độ bám cao.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 24 tháng	Giá tại nơi bán	4.173.000								
1221	Vật tư ngành điện	Trụ trang trí MFUHAILIGHT FH11 cao 3,9m (dùng lắp đèn trang trí LED GL)	trụ		Thân trụ bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Đế trụ bằng gang đúc, hoa văn đẹp và hiện đại. Sơn trang trí bên ngoài 2 lớp, bền màu, độ bám dính tốt.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam	Bảo hành 24 tháng	Giá tại nơi bán	8.664.000								
1222	Vật tư ngành điện	Tủ điện chiếu sáng thông minh GPRS 50A	bộ		Vỏ tủ composite, Phụ kiện lắp đồng bộ. DCU hiệu MFUHAILIGHT MF-D011K0WLR4CE, MCCB tổng+MCB + Chống sét + khởi động từ đồng bộ hiệu LS, công tắc, cầu chì, đèn báo hiệu, timer. Tính năng mở rộng quản lý và điều khiển đến điểm đèn.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	83.909.000								
1223	Vật tư ngành điện	Tủ điện chiếu sáng thông minh GPRS 60A	bộ		Vỏ tủ composite, Phụ kiện lắp đồng bộ. DCU hiệu MFUHAILIGHT MF-D011K0WLR4CE, MCCB tổng+MCB + Chống sét + khởi động từ đồng bộ hiệu LS, công tắc, cầu chì, đèn báo hiệu, timer. Tính năng mở rộng quản lý và điều khiển đến điểm đèn.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	85.455.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1224	Vật tư ngành điện	Tủ điện chiếu sáng thông minh GPRS 75A	bộ		Vỏ tủ composite, Phụ kiện lắp đồng bộ. DCU hiệu MFUHAILIGHT MF-D011K0WLR4CE, MCCB tổng+MCB + Chống sét + khởi động từ đồng bộ hiệu LS, công tắc, cầu chì, đèn báo hiệu, timer. Tính năng mở rộng quản lý và điều khiển đến điểm đèn.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	89.909.000								
1225	Vật tư ngành điện	Tủ điện chiếu sáng thông minh GPRS 100A	bộ		Vỏ tủ composite, Phụ kiện lắp đồng bộ. DCU hiệu MFUHAILIGHT MF-D011K0WLR4CE, MCCB tổng+MCB + Chống sét + khởi động từ đồng bộ hiệu LS, công tắc, cầu chì, đèn báo hiệu, timer. Tính năng mở rộng quản lý và điều khiển đến điểm đèn.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	93.636.000								
1226	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển thông minh tại đèn (LCU) hiệu MFUHAILIGHT MF-L771K0WLR4, 90-264Vac 50/60Hz, >= IP66, Lora	bộ		Đo đếm được dữ liệu của đèn: công suất, điện áp, dòng điện tiêu thụ, phát hiện và cảnh báo sự cố từng đèn.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.500.000								
1227	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển trung tâm tại tủ điện (DCU) MF-D011K0WLR4CE: Lora/ 4G, RS232, RS485	bộ		Quản lý tối thiểu 200 bộ đèn LCU, tích hợp IC vận hành theo thời gian thực, pin dự phòng > 10h.	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	57.909.000								
1228	Vật tư ngành điện	Ổ cắm NEMA 5 Bin hoặc 7 Bin, >= IP66	bộ			Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	382.000								
1229	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐKCS 3 pha 50A	bộ		Vỏ tủ composite 760x500x340x5mm. Phụ kiện lắp đồng bộ. Đồng hồ thời gian kỹ thuật số Siemens 230RC, áp tô mát tổng+lộ+khởi động từ đồng bộ hiệu LS	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	23.573.000								
1230	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐKCS 3 pha 60A	bộ		Vỏ tủ composite 760x500x340x5mm. Phụ kiện lắp đồng bộ. Đồng hồ thời gian kỹ thuật số Siemens 230RC, áp tô mát tổng +lộ+khởi động từ đồng bộ hiệu LS	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	27.473.000								
1231	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐKCS 3 pha 75A	bộ		Vỏ tủ composite 760x500x340x5mm. Phụ kiện lắp đồng bộ. Đồng hồ thời gian kỹ thuật số Siemens 230RC, áp tô mát tổng +lộ+khởi động từ đồng bộ hiệu LS	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	28.818.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1232	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐKCS 3 pha 100A	bộ		Vỏ tủ composite 760x500x340x5mm. Phụ kiện lắp đồng bộ. Đồng hồ thời gian kỹ thuật số Siemens 230RC, áp tô mát tổng + lộ+khởi động từ đồng bộ hiệu LS	Công ty TNHH SX-TM Hưng Phú Hải	Việt Nam		Giá tại nơi bán	32.500.000								
1233	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARENT IP67 LED hiệu EUROGROUP 60W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.536.000								
1234	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARENT IP67 LED hiệu EUROGROUP 80W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.692.000								
1235	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARENT IP67 LED hiệu EUROGROUP 100W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.583.000								
1236	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARENT IP67 LED hiệu EUROGROUP 120W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.476.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1237	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARENT IP67 LED hiệu EUROGROUP 150W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	13.136.000								
1238	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARENT IP67 LED hiệu EUROGROUP 180W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	14.750.000								
1239	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARENT IP67 LED hiệu EUROGROUP 200W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	15.280.000								
1240	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED hiệu EUROGROUP 40W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.864.000								
1241	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED hiệu EUROGROUP 60W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.000.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1242	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED hiệu EUROGROUP 80W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.182.000								
1243	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED hiệu EUROGROUP 100W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.943.000								
1244	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED hiệu EUROGROUP 120W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.160.000								
1245	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED hiệu EUROGROUP 150W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.959.000								
1246	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED 180W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	14.150.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1247	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường CARINA LED hiệu EUROGROUP 200W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 145\text{-}155\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h; 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	14.560.000								
1248	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 40W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.160.000								
1249	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 50W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.652.000								
1250	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 60W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.950.000								
1251	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 80W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.080.000								
1252	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 100W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.450.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1253	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 120W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn ≥130lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.600.000								
1254	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 150W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn ≥130lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.500.000								
1255	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 180W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn ≥130lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.580.000								
1256	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NICKEY LED hiệu EUROGROUP 200W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn ≥130lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.900.000								
1257	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường ROSAR LED hiệu EUROGROUP 80W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn ≥130lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.150.000								
1258	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường ROSAR LED hiệu EUROGROUP 90W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn ≥130lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.980.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1259	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường ROSAR LED hiệu EUROGROUP 120W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.730.000								
1260	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường ROSAR LED hiệu EUROGROUP 150W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.540.000								
1261	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường VICTORY LED hiệu EUROGROUP 80W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.900.000								
1262	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường VICTORY LED hiệu EUROGROUP 90W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.350.000								
1263	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường VICTORY LED hiệu EUROGROUP 120W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.150.000								
1264	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường VICTORY LED hiệu EUROGROUP 150W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.700.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1265	Vật tư ngành điện	Bộ đèn trang trí VISTAR LED hiệu EUROGROUP 40W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.960.000								
1266	Vật tư ngành điện	Bộ đèn trang trí VISTAR LED hiệu EUROGROUP 50W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.570.000								
1267	Vật tư ngành điện	Bộ đèn trang trí SANTIC LED hiệu EUROGROUP 40W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.510.000								
1268	Vật tư ngành điện	Bộ đèn trang trí SANTIC LED hiệu EUROGROUP 50W	bộ		Hiệu suất phát quang bộ đèn $\geq 130\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP66, IK08, nhiệt độ màu 4000/5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.760.000								
1269	Vật tư ngành điện	Bộ đèn pha MISUN LED hiệu EUROGROUP 150W-190W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 145\text{-}155\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP67, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	15.937.000								
1270	Vật tư ngành điện	Bộ đèn pha MISUN LED hiệu EUROGROUP 200W-230W	bộ		Hiệu suất phát quang $\geq 145\text{-}155\text{lm/W}$, CRI ≥ 70 , hệ số công suất ≥ 0.97 , cấp bảo vệ IP67, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét $\geq 20\text{kV}$ 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	16.745.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1271	Vật tư ngành điện	Bộ đèn pha MISUN LED hiệu EUROGROUP 240W-270W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP67, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	18.360.000								
1272	Vật tư ngành điện	Bộ đèn pha MISUN LED 280W-310W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP67, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	19.720.000								
1273	Vật tư ngành điện	Bộ đèn pha MISUN LED hiệu EUROGROUP 320W-350W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP67, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	20.995.000								
1274	Vật tư ngành điện	Bộ đèn pha MISUN LED hiệu EUROGROUP 360W-400W	bộ		Hiệu suất phát quang ≥145-155lm/W, CRI ≥ 70, hệ số công suất ≥0.97, cấp bảo vệ IP67, IK08-09, nhiệt độ màu 4000-5000K, tuổi thọ 100.000h (L70); 100-277VAC, chịu xung sét ≥20kV 20kA 20kA, Bộ điện và module LED SMD thương hiệu G7, Châu Âu, Korea	Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	22.780.000								
1275	Vật tư ngành điện	Trụ đèn dẫn lối POLAR + bóng LED 7-15W	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	3.970.000								
1276	Vật tư ngành điện	Trụ đèn dẫn lối POLAR + bóng LED 18-25W	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	4.090.000								
1277	Vật tư ngành điện	Đế gang đúc TM02 cao 1500mm (đường kính đáy 500)	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	12.479.000								
1278	Vật tư ngành điện	Đế gang đúc TM03 cao 1550mm (đường kính đáy 550)	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm 95	Giá tại nơi bán	13.250.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1279	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển thông minh tại đèn IDIM-TM/16ZG	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	2.450.000								
1280	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển trung tâm ICENTER-TM/GPRS/4G	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	46.800.000								
1281	Vật tư ngành điện	Tủ điện chiếu sáng GPRS 50A (Sử dụng phần mềm điều khiển chiếu sáng thông minh “SmartLiteTM”)	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	67.300.000								
1282	Vật tư ngành điện	Tủ điện chiếu sáng GPRS 75A (Sử dụng phần mềm điều khiển chiếu sáng thông minh “SmartLiteTM”)	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	72.600.000								
1283	Vật tư ngành điện	Hộp nối cáp rẽ nhánh kín nước TMC-3S/6A-10A IP68	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	1.510.000								
1284	Vật tư ngành điện	Hộp nối cáp liên thông kín nước TMC-B1 IP68	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	210.000								
1285	Vật tư ngành điện	Hộp nối cáp liên thông kín nước TMC-B2/B3 IP68	bộ			Công ty TNHH SX TM&XD Thiên Minh	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	420.000								
1286	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting SL22 (50w - 80w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.550.000								
1287	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting SL22 (85w - 100w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.150.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1288	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting SL22 (105w - 130w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.653.000								
1289	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting SL22 (135w - 150w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.850.000								
1290	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting Katrina SL15 (50w-80w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥ 130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.550.000								
1291	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting Katrina SL15 (85w-100w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥ 130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.150.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1292	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting Katrina SL15 (105w-130w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥ 130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.653.000								
1293	Vật tư ngành điện	Đèn LED hiệu Slighting Katrina SL15 (135w-150w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥10kV; Quang hiệu: ≥ 130 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6500k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.850.000								
1294	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (50w-90w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥ 10kV; Quang hiệu: ≥ 120 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6000k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.220.000								
1295	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (95w-135w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥ 10kV; Quang hiệu: ≥ 120 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6000k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.298.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1296	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (140w-180w)	bộ		SPD bảo vệ chống sét ≥ 10kV; Quang hiệu: ≥ 120 Lm/w; Chỉ số hoàn màu: Ra ≥ 70; Nhiệt độ màu: 4000k-6000k; Kính đèn thủy tinh cường lực chịu nhiệt, độ kín khít IP66, cấp cách điện ClassI, độ va đập IK08; hệ số công suất >0.95; Điện áp vào 100-265VAC/50-60 Hz; Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	10.586.300								
1297	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=6m, D56/124mm, tôn dày 3mm	cái		Cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	2.850.000								
1298	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=7m, D56/134mm, tôn dày 3mm	cái		Cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	3.368.000								
1299	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=8m, D56/144mm, tôn dày 3mm	cái		Cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	3.825.000								
1300	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=9m, D56/156mm, tôn dày 4mm	cái		Cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.808.000								
1301	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=10m, D56/166mm, tôn dày 4mm	cái		Cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.775.000								
1302	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=11m, D56/175mm, tôn dày 4mm	cái		Cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.336.000								
1303	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 6m D84/144-3mm	cái		Cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.281.000								
1304	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 7m D85/155-3,5mm	cái		Cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.971.000								
1305	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D85/165-3,5mm	cái		Cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.497.000								
1306	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 9m D86/176- 4mm	cái		Cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.539.000								
1307	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m D86/186-4mm	cái		Cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.206.000								
1308	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 11m D86/196-4mm	cái		Cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng	Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.783.000								
1309	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-01 cao 2m, vươn 1,5m dày 3mm	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.280.000								
1310	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-02; CD06; CD-10; CD-21; CD-27; CD-32 cao 2m, vươn 1,5m	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.536.000								
1311	Vật tư ngành điện	Cần đèn cánh bướm CD15	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam	99	Giá tại nơi bán	3.850.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1312	Vật tư ngành điện	Cản đèn CK-01 cao 2m, vưon 1,5m	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.820.000								
1313	Vật tư ngành điện	Cản đèn CK-02; CK06; CK-10; CK-21; CK-27; CK-32 cao 2m, vưon 1,5m	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.014.000								
1314	Vật tư ngành điện	Cản cánh buồm CK15	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.520.000								
1315	Vật tư ngành điện	Chùm đèn sử dụng cho cột trang trí CH05-2; CH06-4; CH1-2	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.423.000								
1316	Vật tư ngành điện	Chùm đèn sử dụng cho cột trang trí CH08-4	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.470.000								
1317	Vật tư ngành điện	Chùm đèn sử dụng cho cột trang trí CH09-1	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.685.000								
1318	Vật tư ngành điện	Chùm đèn sử dụng cho cột trang trí CH09-2	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.666.000								
1319	Vật tư ngành điện	Chùm đèn sử dụng cho cột trang trí CH11-4	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.050.000								
1320	Vật tư ngành điện	Chùm đèn sử dụng cho cột trang trí CH12-4	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.730.000								
1321	Vật tư ngành điện	Đèn cao áp 1 công suất 250W, Sodium - SLI-S6	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.615.000								
1322	Vật tư ngành điện	Đèn cao áp 2 công suất 150/100, Sodium - SLI-S6	cái			Công ty CP SLIGHTING Việt Nam	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.770.000								
1323	Vật tư ngành điện	Đèn led chiếu sáng đường CDE-CM 40W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra≥70; Driver: Meanwell - Taiwan, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP67; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.350.000								
1324	Vật tư ngành điện	Đèn led chiếu sáng đường CDE-CM 60W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra≥70; Driver: Meanwell - Taiwan, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP67; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.500.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1325	Vật tư ngành điện	Đèn led chiếu sáng đường CDE-CM 80W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP67; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.100.000								
1326	Vật tư ngành điện	Đèn led chiếu sáng đường CDE-CM 100W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP67; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.500.000								
1327	Vật tư ngành điện	Đèn led chiếu sáng đường CDE-CM 120W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP67; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.800.000								
1328	Vật tư ngành điện	Đèn led chiếu sáng đường CDE-CM 150W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP67; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.000.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1329	Vật tư ngành điện	Đèn led pha chiếu cảnh quan CDE-FL 50W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwan, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP66; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA; Hệ số công suất ≥0,95 Hệ số duy trì MF ≥ 0,7	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	3.500.000								
1330	Vật tư ngành điện	Đèn led pha chiếu cảnh quan CDE-FL 100W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwan, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP66; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA; Hệ số công suất ≥0,95 Hệ số duy trì MF ≥ 0,7	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.500.000								
1331	Vật tư ngành điện	Đèn led pha CDE-FL 150W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwan, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP66; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA; Hệ số công suất ≥0,95 Hệ số duy trì MF ≥ 0,7	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.500.000								
1332	Vật tư ngành điện	Đèn led pha chiếu cảnh quan CDE-FL 200W	bộ		Led Chips CREE -USA; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K; Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwan, AC-100-305VAC; Cấp bảo vệ IK08, Class01, IP66; Chống sét 10kV -20kV, 10kA -20kA; Hệ số công suất ≥0,95 Hệ số duy trì MF ≥ 0,7	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.500.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1333	Vật tư ngành điện	Đèn Led pha chiếu cảnh quan CDE-GLB006, 6W	bộ		Led Chips CREE - USA/OSRAM/ PHILIPS; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K/RGB/RG BW (W=4000K); Giao thức điều khiển: (DMX512/RDM); Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC; Osram Đức, sản xuất tại China/ Philips	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.043.000								
1334	Vật tư ngành điện	Đèn Led pha CDE-FDI012-4-U,12W	bộ		Led Chips CREE - USA/OSRAM/ PHILIPS; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K/RGB/RG BW (W=4000K); Giao thức điều khiển: (DMX512/RDM); Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC; Osram Đức, sản xuất tại China/ Philips	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.468.000								
1335	Vật tư ngành điện	Đèn Led pha chiếu cảnh quan CDE-FDA020, 20W	bộ		Led Chips CREE - USA/OSRAM/ PHILIPS; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K/RGB/RG BW (W=4000K); Giao thức điều khiển: (DMX512/RDM); Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.277.000								
1336	Vật tư ngành điện	Đèn Led thanh chiếu cảnh quan CDE-SL1303A-18, 22W	bộ		Led Chips CREE - USA/OSRAM/ PHILIPS; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K/RGB/RG BW (W=4000K); Giao thức điều khiển: (DMX512/RDM); Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.627.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1337	Vật tư ngành điện	Đèn Led thanh chiếu cánh quan 74W CDE-SL1307F-20	bộ		Led Chips CREE - USA/OSRAM/ PHILIPS; Hiệu suất phát quang ≥146Lm/W; Nhiệt độ màu 3000/4000K/5000K/RGB/RG BW (W=4000K); Giao thức điều khiển: (DMX512/RDM); Hệ số hoàn màu Ra ≥70; Driver: Meanwell - Taiwain, AC-100-305VAC	Công ty TNHH CDE VINA	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	12.883.000								
1338	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường Led Nikkon Mura - S - 40W	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.175.000								
1339	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đườngLed Nikkon Muara -M - 60W	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.150.000								
1340	Vật tư ngành điện	Bộ đèn pha Led Nikkon Mura - M - 80W	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.125.000								
1341	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường Led Nikkon Mura - L - 100W	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.250.000								
1342	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường Led Nikkon Mura - L - 120W	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.750.000								
1343	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường Led Nikkon SDQ - XS - 40W 3000K/4000K/5000K	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.050.000								
1344	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường Led Nikkon SDQ - S - 80W 3000K/4000K/5000K	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.225.000								
1345	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường Led Nikkon SDQ - M - 100W 3000K/4000K/5000K	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.875.000								
1346	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường Led Nikkon SDQ - M - 120W 3000K/4000K/5000K	bộ			Công ty TNHH Sản xuất TM&DV Đại Quang Phát.	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.175.000								
1347	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 30W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.614.000								
1348	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 40W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.691.000								
1349	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 50W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.704.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1350	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 60W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.715.000								
1351	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 70W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.728.000								
1352	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 75W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.734.000								
1353	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1- 80W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.740.000								
1354	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 90W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.333.000								
1355	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 105W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.340.000								
1356	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 110W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.345.000								
1357	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 120W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.809.000								
1358	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 140W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.963.000								
1359	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1 - 150W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.975.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1360	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Helios 1- 190W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	11.251.000								
1361	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 1-30W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.129.000								
1362	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 1-40W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.139.000								
1363	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 1-50W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.139.000								
1364	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 1-60W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.864.000								
1365	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 1-70W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.874.000								
1366	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 1-80W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.884.000								
1367	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 1-90W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.894.000								
1368	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 2-100W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.215.000								
1369	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 2-110W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.225.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1370	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường Horus 2-120W	bộ		Full programmable, chuẩn 0-10V/1-10V hoặc DALI, IP66, IK08, chống sung áp 10kV, 130lm/W, màu ánh sáng 3000K/4000K/6500K	Công ty CP Bóng Đèn Điện Quang	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.235.000								
1371	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-A 60W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.550.000								
1372	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-A 80W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.730.000								
1373	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-A 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.980.000								
1374	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-A 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.180.000								
1375	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-A 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.430.000								
1376	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-F 80W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.440.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1377	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-F 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.730.000								
1378	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-F 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.960.000								
1379	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-F 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.240.000								
1380	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-F 200W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.570.000								
1381	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-L 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.480.000								
1382	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-L 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.700.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1383	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-L 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.970.000								
1384	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-L 200W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.240.000								
1385	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-N 80W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.060.000								
1386	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-N 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.330.000								
1387	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-N 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.540.000								
1388	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-N 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.810.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1389	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RP 80W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.550.000								
1390	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RP 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.840.000								
1391	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RP 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.080.000								
1392	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RP 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.360.000								
1393	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RI 80W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.660.000								
1394	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RI 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.960.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1395	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RI 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.200.000								
1396	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-RI 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.500.000								
1397	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST02 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.400.000								
1398	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST02 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.950.000								
1399	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST02 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.690.000								
1400	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST24 40W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.400.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1401	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST24 60W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.600.000								
1402	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST24 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.230.000								
1403	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST24 120W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.630.000								
1404	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED VS-DD-ST24 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000 giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.980.000								
1405	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 50W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.500.000								
1406	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.100.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1407	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 150W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.500.000								
1408	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 200W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	5.900.000								
1409	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 300W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.400.000								
1410	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 400W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.200.000								
1411	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 500W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.100.000								
1412	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-A 600W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	9.300.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1413	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-B 100W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.120.000								
1414	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-B 200W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.080.000								
1415	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-B 300W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.680.000								
1416	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED VS-DP-B 400W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	8.640.000								
1417	Vật tư ngành điện	Đầu đèn sân vườn VS-CSV-07 30W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.530.000								
1418	Vật tư ngành điện	Đầu đèn sân vườn VS-CSV-07 40W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.580.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1419	Vật tư ngành điện	Đầu đèn sân vườn VS-CSV-07 50W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.580.000								
1420	Vật tư ngành điện	Đầu đèn sân vườn VS-CSV-08 30W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	4.540.000								
1421	Vật tư ngành điện	Đầu đèn sân vườn VS-CSV-08 40W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	6.570.000								
1422	Vật tư ngành điện	Đầu đèn sân vườn VS-CSV-08 50W	bộ		Hệ số công suất >0,9; cấp bảo vệ IP66; Class 1; quang hiệu 125-145lumen/W; nhiệt độ màu 3200-6500K; chống sét Philips, Done, Littefuse, Surgefree, ZP: 10-30kV; tuổi thọ > 50.000giờ	Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 5 năm	Giá tại nơi bán	7.560.000								
1423	Vật tư ngành điện	Đèn led panel VS-PL3030 300x300 công suất 24W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	750.000								
1424	Vật tư ngành điện	Đèn led panel VS-PL3060 300x600 công suất 28W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	940.000								
1425	Vật tư ngành điện	Đèn led panel VS-PL30120 300x1200 công suất 48W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	1.500.000								
1426	Vật tư ngành điện	Đèn led panel VS-PL6060 600x600 công suất 48W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	1.500.000								
1427	Vật tư ngành điện	Đèn led panel VS-PL60120 600x1200 công suất 85W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	2.500.000								
1428	Vật tư ngành điện	Đèn led bán nguyệt VS-BN-01 công suất 45W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	420.000								
1429	Vật tư ngành điện	Bóng led tube T8 VS-T806 600 công suất 10W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	140.000								
1430	Vật tư ngành điện	Bóng led tube T8 VS-T812 1200 công suất 20W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	190.000								
1431	Vật tư ngành điện	Bộ đèn led tube T8 VS-MT-60 600 công suất 10W	bộ			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	300.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1432	Vật tư ngành điện	Bộ đèn led tube T8 VS-MT-120 1200 công suất 20W	bộ			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	340.000								
1433	Vật tư ngành điện	Bộ đèn led tube T8 VS-MT-220 1200 công suất 2x20W	bộ			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	550.000								
1434	Vật tư ngành điện	Đèn led dowlight VS-AT-02-3 90/7W đổi màu	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	172.000								
1435	Vật tư ngành điện	Đèn led dowlight VS-AT-02 90/7W đơn màu	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	162.000								
1436	Vật tư ngành điện	Đèn led dowlight VS-AT-02-C3 90/9W đổi màu	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	180.000								
1437	Vật tư ngành điện	Đèn led dowlight VS-AT-02-C 90/9W đơn màu	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	175.000								
1438	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-01 120/6W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	190.000								
1439	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-01 170/12W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	240.000								
1440	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-01 230/18W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	350.000								
1441	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-01 300/24W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	430.000								
1442	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-02 120x120/6W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	200.000								
1443	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-02 170x170/12W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	250.000								
1444	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-02 230x230/18W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	360.000								
1445	Vật tư ngành điện	Đèn led ốp trần VS-OT-02 300x300/24W	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	440.000								
1446	Vật tư ngành điện	Bóng led bulb VS-BL-A công suất 5W/E27	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	55.000								
1447	Vật tư ngành điện	Bóng led bulb VS-BL-A công suất 10W/E27	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	65.000								
1448	Vật tư ngành điện	Bóng led bulb VS-BL-A công suất 15W/E27	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	100.000								
1449	Vật tư ngành điện	Bóng led bulb VS-BL-A công suất 20W/E27	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	140.000								
1450	Vật tư ngành điện	Bóng led bulb VS-BL-A công suất 30W/E27	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	210.000								
1451	Vật tư ngành điện	Bóng led bulb VS-BL-A công suất 40W/E27	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	260.000								
1452	Vật tư ngành điện	Bóng led bulb VS-BL-A công suất 50W/E27	cái			Công ty CP thiết bị điện VINSHINE	Việt Nam	Bảo hành 2 năm	Giá tại nơi bán	350.000								
1453	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 25	m		ĐKT 25, ĐKN 32	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	12.800								
1454	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 30	m		ĐKT 30, ĐKN 40	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	14.900								
1455	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 40	m		ĐKT 40, ĐKN 50	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	21.400								
1456	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 50	m		ĐKT 50, ĐKN 65	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	29.300								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1457	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 65	m		ĐKT 65, ĐKN 80	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	42.500								
1458	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 80	m		ĐKT 80, ĐKN 105	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	55.300								
1459	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 90	m		ĐKT 90, ĐKN 112	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	63.600								
1460	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 100	m		ĐKT 100, ĐKN 130	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	78.100								
1461	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 125	m		ĐKT 125, ĐKN 160	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	121.400								
1462	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 150	m		ĐKT 150, ĐKN 195	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	165.800								
1463	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 160	m		ĐKT 160, ĐKN 200	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	185.000								
1464	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 175	m		ĐKT 175, ĐKN 230	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	247.200								
1465	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo-ELP 200	m		ĐKT 200, ĐKN 260	Công ty CP Santo	Việt Nam		Giá tại nơi bán	295.500								
1466	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D21 dày 1,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.800								
1467	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D21 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	14.700								
1468	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D27 dày 1,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	12.400								
1469	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D27 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	19.400								
1470	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D34 dày 2,1mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	17.400								
1471	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D34 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	24.600								
1472	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D42 dày 2,1mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	23.000								
1473	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D42 dày 3,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	38.100								
1474	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D49 dày 2,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.100								
1475	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D49 dày 3,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	41.600								
1476	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D60 dày 2,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	31.900								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1477	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D60 dày 2,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	37.700								
1478	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D63 dày 1,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	35.000								
1479	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D63 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	53.200								
1480	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D73 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	57.300								
1481	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D75 dày 2,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	48.600								
1482	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D75 dày 3,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	76.300								
1483	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D90 dày 2,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	54.200								
1484	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D90 dày 2,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.800								
1485	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D90 dày 3,0m	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	69.600								
1486	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D110 dày 2,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	84.800								
1487	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D110 dày 3,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	101.600								
1488	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D114 dày 3,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	99.600								
1489	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D121 dày 6,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	213.300								
1490	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D140 dày 3,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	129.800								
1491	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D140 dày 4,1mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	164.000								
1492	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D160 dày 4,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	181.900								
1493	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D160 dày 4,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	213.200								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1494	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D200 dày 4,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	276.900								
1495	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D200 dày 5,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	331.900								
1496	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D220 dày 6,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	381.000								
1497	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D220 dày 8,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	497.300								
1498	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D225 dày 5,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	346.400								
1499	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D225 dày 6,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	417.200								
1500	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D250 dày 6,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	437.400								
1501	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D250 dày 7,3mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	513.000								
1502	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D280 dày 6,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	544.800								
1503	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D280 dày 8,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	644.400								
1504	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D315 dày 7,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	657.000								
1505	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D315 dày 9,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	811.700								
1506	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D355 dày 8,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	881.800								
1507	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC D355 dày 10,4mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.049.200								
1508	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D20 dày 1,8mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.400								
1509	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D20 dày 2,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.100								
1510	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D25 dày 2,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.200								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1511	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D25 dày 2,3mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	12.000								
1512	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D32 dày 2,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.600								
1513	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D32 dày 2,4mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.800								
1514	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D40 dày 2,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	17.200								
1515	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D40 dày 2,4mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.800								
1516	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D40 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	25.200								
1517	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D50 dày 2,4mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	26.700								
1518	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D50 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	32.100								
1519	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D63 dày 3,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	41.700								
1520	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D63 dày 3,8mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	51.200								
1521	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D75 dày 3,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	59.200								
1522	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D75 dày 4,5mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	71.400								
1523	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D90 dày 4,3mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	83.300								
1524	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D90 dày 5,4mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	102.800								
1525	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D110 dày 4,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	100.100								
1526	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D110 dày 5,3mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	125.000								
1527	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D125 dày 4,8mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	129.200								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1528	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D125 dày 6,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	159.800								
1529	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D140 dày 5,4mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	162.800								
1530	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D140 dày 6,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	200.000								
1531	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D160 dày 6,2mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	214.000								
1532	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D160 dày 7,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	262.200								
1533	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D180 dày 6,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	267.100								
1534	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D180 dày 8,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	329.600								
1535	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D200 dày 7,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	331.000								
1536	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D200 dày 9,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	408.300								
1537	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D225 dày 8,6	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	415.100								
1538	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D225 dày 10,8mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	516.000								
1539	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D250 dày 9,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	524.700								
1540	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D250 dày 11,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	631.500								
1541	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D280 dày 10,7mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	643.000								
1542	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D280 dày 13,4mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	797.100								
1543	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D315 dày 12,1mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	816.900								
1544	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D315 dày 15,0mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.001.700								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1545	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D355 dày 13,6mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.035.000								
1546	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D355 dày 16,9mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.271.800								
1547	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D400 dày 15,3mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.313.600								
1548	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE D400 dày 19,1mm	m			Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.621.700								
1549	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D25 dày 2,0mm PE100	m		PN12,5	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.790								
1550	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D25 dày 2,3mm PE100	m		PN16	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.690								
1551	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D32 dày 2,0mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.140								
1552	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D32 dày 2,4mm PE100	m		PN12,5	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.040								
1553	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D32 dày 3,0mm PE100	m		PN16	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	18.760								
1554	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D40 dày 2,0mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.590								
1555	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D40 dày 2,4mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.030								
1556	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D40 dày 3,0mm PE100	m		PN12,5	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	24.200								
1557	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D50 dày 2,4mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	25.740								
1558	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D50 dày 3,0mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.730								
1559	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D63 dày 3,0mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	39.970								
1560	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D63 dày 3,8mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	49.130								
1561	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D75 dày 3,6mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	56.830								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1562	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D75 dày 4,5mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.060								
1563	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D90 dày 4,3mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	89.730								
1564	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D90 dày 5,4mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	99.430								
1565	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D110 dày 4,2mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	96.980								
1566	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D110 dày 5,3mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	120.460								
1567	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D125 dày 4,8mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	125.440								
1568	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D125 dày 6,0mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	155.530								
1569	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D140 dày 5,4mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	157.440								
1570	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D140 dày 6,7mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	193.690								
1571	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D160 dày 6,2mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	206.290								
1572	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D160 dày 7,7mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	254.330								
1573	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D180 dày 6,9mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	257.770								
1574	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D180 dày 8,6mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	320.220								
1575	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D200 dày 7,7mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	320.130								
1576	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D200 dày 9,6mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	398.890								
1577	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D225 dày 8,6mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	401.610								
1578	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D225 dày 10,8mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	502.310								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1579	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D250 dày 9,6mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	497.500								
1580	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D250 dày 11,9mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	612.970								
1581	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D280 dày 10,7mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	616.960								
1582	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D280 dày 13,4mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	781.920								
1583	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D315 dày 12,1mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	786.720								
1584	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D315 dày 15,0mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	979.510								
1585	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D315 dày 18,7mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.189.150								
1586	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D355 dày 13,6mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	999.270								
1587	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D355 dày 16,9mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.231.750								
1588	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D355 dày 21,1mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.511.180								
1589	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D400 dày 15,3mm PE100	m		PN6	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.260.660								
1590	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D400 dày 19,1mm PE100	m		PN8	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.579.610								
1591	Vật tư ngành nước	ống nhựa HDPE D400 dày 23,7mm PE100	m		PN10	Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.920.220								
1592	Vật tư ngành nước	Nối thẳng HDPE vụn ren Fi 20	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	14.100								
1593	Vật tư ngành nước	Nối thẳng HDPE vụn ren Fi 25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	18.500								
1594	Vật tư ngành nước	Nối thẳng HDPE vụn ren Fi 32	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	27.600								
1595	Vật tư ngành nước	Nối thẳng HDPE vụn ren Fi 40	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	55.400								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1596	Vật tư ngành nước	Nối thẳng HDPE vụn ren Fi 50	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	72.000								
1597	Vật tư ngành nước	Nối thẳng HDPE vụn ren Fi 63	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	105.000								
1598	Vật tư ngành nước	Nối thẳng HDPE vụn ren Fi 90	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	270.000								
1599	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 25x20	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	17.800								
1600	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 32x20	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	27.600								
1601	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 32x25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	27.600								
1602	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 40x20	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	44.000								
1603	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 40x25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	44.000								
1604	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 50x25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	58.600								
1605	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 50x32	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	60.200								
1606	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 63x25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	104.600								
1607	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 63x32	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	123.000								
1608	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE Fi 90x63	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	240.000								
1609	Vật tư ngành nước	Tê đều HDPE Fi 20	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	21.100								
1610	Vật tư ngành nước	Tê đều HDPE Fi 25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	28.600								
1611	Vật tư ngành nước	Tê đều HDPE Fi 32	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	44.000								
1612	Vật tư ngành nước	Tê đều HDPE Fi 40	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	83.900								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1613	Vật tư ngành nước	Tê đều HDPE Fi 50	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	115.400								
1614	Vật tư ngành nước	Tê đều HDPE Fi 63	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	175.400								
1615	Vật tư ngành nước	Co 90 độ HDPE Fi 20	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.400								
1616	Vật tư ngành nước	Co 90 độ HDPE Fi 25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	21.100								
1617	Vật tư ngành nước	Co 90 độ HDPE Fi 32	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.400								
1618	Vật tư ngành nước	Co 90 độ HDPE Fi 40	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	58.500								
1619	Vật tư ngành nước	Co 90 độ HDPE Fi 50	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	80.700								
1620	Vật tư ngành nước	Co 90 độ HDPE Fi 63	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	118.600								
1621	Vật tư ngành nước	Nút bịt HDPE Fi 20	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.700								
1622	Vật tư ngành nước	Nút bịt HDPE Fi 25	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.800								
1623	Vật tư ngành nước	Nút bịt HDPE Fi 32	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	14.500								
1624	Vật tư ngành nước	Nút bịt HDPE Fi 40	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	32.600								
1625	Vật tư ngành nước	Nút bịt HDPE Fi 50	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	42.400								
1626	Vật tư ngành nước	Nút bịt HDPE Fi 63	cái			Công ty CP nhựa Đồng Nai	Việt Nam		Giá tại nơi bán	60.400								
1627	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D21 dày 1,0mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.200								
1628	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D27 dày 1,0mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.900								
1629	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D34 dày 1,0mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.600								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1630	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D42 dày 1,2mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	17.300								
1631	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D48 dày 1,4mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.200								
1632	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D60 dày 1,4mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	26.300								
1633	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D75 dày 1,5mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	36.900								
1634	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D90 dày 1,5mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	45.100								
1635	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D110 dày 1,9mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	68.000								
1636	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D125 dày 2,0mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	75.100								
1637	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D140 dày 2,2mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	92.500								
1638	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D160 dày 2,5mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	120.100								
1639	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D180 dày 2,8mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	150.900								
1640	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D200 dày 3,2mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	225.300								
1641	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D225 dày 3,5mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	333.900								
1642	Vật tư ngành nước	Ống thoát uPVC D250 dày 3,9mm	m			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	304.500								
1643	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D21 dày 1,2mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.800								
1644	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D27 dày 1,3mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.200								
1645	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D34 dày 1,3mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.600								
1646	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D42 dày 1,5mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	19.400								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1647	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D48 dày 1,6mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	23.700								
1648	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D60 dày 1,5mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	31.500								
1649	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D75 dày 1,9mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	43.100								
1650	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D90 dày 1,8mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	51.500								
1651	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D110 dày 2,2mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	76.900								
1652	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D125 dày 2,5mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	94.600								
1653	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D140 dày 2,8mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	117.800								
1654	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D160 dày 3,2mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	157.300								
1655	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D180 dày 3,6mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	193.600								
1656	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D200 dày 3,9mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	236.300								
1657	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D225 dày 4,4mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	289.600								
1658	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C0 D250 dày 4,9mm	m	PN4		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	379.600								
1659	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D21 dày 1,5mm	m	PN12,5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.600								
1660	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D27 dày 1,6mm	m	PN12,5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.200								
1661	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D34 dày 1,7mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.600								
1662	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D42 dày 1,7mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	22.700								
1663	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D48 dày 1,9mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	27.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1664	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D60 dày 1,8mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	38.400								
1665	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D75 dày 2,2mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	48.700								
1666	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D90 dày 2,2mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	60.200								
1667	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D110 dày 2,7mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	89.700								
1668	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D125 dày 3,1mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	110.900								
1669	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D140 dày 3,5mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	138.600								
1670	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D160 dày 4,0mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	183.300								
1671	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D180 dày 4,4mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	224.600								
1672	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D200 dày 4,9mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	285.500								
1673	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D225 dày 5,5mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	348.000								
1674	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C1 D250 dày 6,2mm	m	PN5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	457.700								
1675	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D21 dày 1,6mm	m	PN16		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.600								
1676	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D27 dày 2,0mm	m	PN16		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	14.600								
1677	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D34 dày 2,0mm	m	PN12,5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.200								
1678	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D42 dày 2,0mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	25.900								
1679	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D48 dày 2,3mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	31.200								
1680	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D60 dày 2,3mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	44.700								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1681	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D75 dày 2,9mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	63.600								
1682	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D90 dày 2,7mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	69.700								
1683	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D110 dày 3,2mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	102.100								
1684	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D125 dày 3,7mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	131.300								
1685	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D140 dày 4,1mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	163.400								
1686	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D160 dày 4,7mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	211.600								
1687	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D180 dày 5,3mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	267.400								
1688	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D200 dày 5,9mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	332.000								
1689	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D225 dày 6,6mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	412.600								
1690	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C2 D250 dày 7,3mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	534.100								
1691	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D21 dày 2,4mm	m	PN25		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.600								
1692	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D27 dày 3,0mm	m	PN25		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.700								
1693	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D34 dày 2,6mm	m	PN16		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	23.200								
1694	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D42 dày 2,5mm	m	PN12,5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.400								
1695	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D48 dày 2,9mm	m	PN12,5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	37.800								
1696	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D60 dày 2,9mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	54.000								
1697	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D75 dày 3,6mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	78.700								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1698	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D90 dày 3,5mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	91.400								
1699	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D110 dày 4,2mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	143.000								
1700	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D125 dày 4,8mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	166.700								
1701	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D140 dày 5,4mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	218.500								
1702	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D160 dày 6,2mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	273.700								
1703	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D180 dày 6,9mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	341.600								
1704	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D200 dày 7,7mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	423.700								
1705	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D225 dày 8,6mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	535.700								
1706	Vật tư ngành nước	Ống uPVC C3 D250 dày 9,6mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	690.400								
1707	Vật tư ngành nước	Măng sông uPVC D21	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400								
1708	Vật tư ngành nước	Măng sông uPVC D27	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.900								
1709	Vật tư ngành nước	Măng sông uPVC D34	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.100								
1710	Vật tư ngành nước	Măng sông uPVC D42	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.600								
1711	Vật tư ngành nước	Măng sông uPVC D42	cái	PN12,5		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.700								
1712	Vật tư ngành nước	Măng sông uPVC D48	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.600								
1713	Vật tư ngành nước	Măng sông uPVC D60	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	14.200								
1714	Vật tư ngành nước	Cút đều uPVC 90 độ D21	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.500								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1715	Vật tư ngành nước	Cút đều uPVC 90 độ D27	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.300								
1716	Vật tư ngành nước	Cút đều uPVC 90 độ D34	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.600								
1717	Vật tư ngành nước	Cút đều uPVC 90 độ D42	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.800								
1718	Vật tư ngành nước	Cút đều uPVC 90 độ D48	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.200								
1719	Vật tư ngành nước	Cút đều uPVC 90 độ D60	cái	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.600								
1720	Vật tư ngành nước	Tê đều uPVC D21	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.300								
1721	Vật tư ngành nước	Tê đều uPVC D27	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.000								
1722	Vật tư ngành nước	Tê đều uPVC D34	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.400								
1723	Vật tư ngành nước	Tê đều uPVC D42	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	7.700								
1724	Vật tư ngành nước	Tê đều uPVC D48	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.400								
1725	Vật tư ngành nước	Tê đều uPVC D60	cái	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	18.000								
1726	Vật tư ngành nước	Côn thu uPVC D27/21	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.400								
1727	Vật tư ngành nước	Côn thu uPVC D42/34	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.300								
1728	Vật tư ngành nước	Côn thu uPVC D60/48	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.100								
1729	Vật tư ngành nước	Côn thu uPVC D75/60	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.300								
1730	Vật tư ngành nước	Côn thu uPVC D110/90	cái	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	39.600								
1731	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D50 dày 2,0mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	21.700								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1732	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D63 dày 2,5mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	33.900								
1733	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D75 dày 2,9mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	46.200								
1734	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D90 dày 3,5mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	75.700								
1735	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D110 dày 4,2mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	97.300								
1736	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D125 dày 4,8mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	125.800								
1737	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D140 dày 5,4mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	157.900								
1738	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D160 dày 6,2mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	206.900								
1739	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D180 dày 6,9mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	258.500								
1740	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D200 dày 7,7mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	321.100								
1741	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D225 dày 8,6mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	402.800								
1742	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D250 dày 9,6mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	499.000								
1743	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D280 dày 10,7mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	618.800								
1744	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D315 dày 12,1mm	m	PN6		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	789.100								
1745	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D40 dày 2,0mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.636								
1746	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D50 dày 2,4mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	25.821								
1747	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D63 dày 3,0mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	40.091								
1748	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D75 dày 3,6mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	57.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1749	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D90 dày 4,3mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	90.000								
1750	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D110 dày 5,3mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	120.819								
1751	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D125 dày 6,0mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	156.000								
1752	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D140 dày 6,7mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	194.273								
1753	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D160 dày 7,7mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	255.091								
1754	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D180 dày 8,6mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	321.181								
1755	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D200 dày 9,6mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	400.091								
1756	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D225 dày 10,8mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	503.819								
1757	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D250 dày 11,9mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	614.819								
1758	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D280 dày 13,4mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	784.273								
1759	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D315 dày 15,0mm	m	PN8		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	982.456								
1760	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D32 dày 2,0mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.182								
1761	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D40 dày 2,4mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.091								
1762	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D50 dày 3,0mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.818								
1763	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D63 dày 3,8mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	49.273								
1764	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D75 dày 4,5mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.273								
1765	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D90 dày 5,4mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	99.727								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1766	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D110 dày 6,6mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	151.091								
1767	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D125 dày 7,4mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	190.727								
1768	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D140 dày 8,3mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	238.091								
1769	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D160 dày 9,5mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	312.909								
1770	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D180 dày 10,7mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	393.909								
1771	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D200 dày 11,9mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	493.636								
1772	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D225 dày 13,4mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	606.727								
1773	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D250 dày 14,8mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	751.727								
1774	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D280 dày 16,6mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	936.636								
1775	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D315 dày 18,7mm	m	PN10		Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.192.727								
1776	Vật tư ngành nước	Khâu nối thẳng HDPE ren D20	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.800								
1777	Vật tư ngành nước	Khâu nối thẳng HDPE ren D25	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.000								
1778	Vật tư ngành nước	Khâu nối thẳng HDPE ren D32	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	28.000								
1779	Vật tư ngành nước	Khâu nối thẳng HDPE ren D40	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	48.500								
1780	Vật tư ngành nước	Khâu nối thẳng HDPE ren D50	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	68.000								
1781	Vật tư ngành nước	Tê ren HDPE ren D20	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.000								
1782	Vật tư ngành nước	Tê ren HDPE ren D25	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	27.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1783	Vật tư ngành nước	Tê ren HDPE ren D32	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	41.000								
1784	Vật tư ngành nước	Tê ren HDPE ren D40	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	82.000								
1785	Vật tư ngành nước	Tê ren HDPE ren D50	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	118.000								
1786	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D20	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.500								
1787	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D25	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.000								
1788	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D32	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	28.800								
1789	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D40	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	55.500								
1790	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D50	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	82.000								
1791	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D110	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	168.000								
1792	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D125	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	260.000								
1793	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D140	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	420.000								
1794	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D160	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	420.000								
1795	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D180	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	900.000								
1796	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D200	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	915.000								
1797	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D225	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.350.000								
1798	Vật tư ngành nước	Cút đều HDPE ren 90 độ D250	cái			Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.600.000								
1799	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN32 dày 2,0 mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.180								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1800	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN40 dày 2,0mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.640								
1801	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN40 dày 2,4mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	20.090								
1802	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN50 dày 2,4 mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	25.820								
1803	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN50 dày 3,0 mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.820								
1804	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN63 dày 3,0mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	40.090								
1805	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN63 dày 3,8mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	49.270								
1806	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN75 dày 3,6mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	57.000								
1807	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN75 dày 4,5mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	70.270								
1808	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN90 dày 4,3mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	90.000								
1809	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN90 dày 5,4mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	99.730								
1810	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN110 dày 4,2mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	97.270								
1811	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN110 dày 5,3mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	120.820								
1812	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN110 dày 6,6mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	151.090								
1813	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN125 dày 4,8mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	125.820								
1814	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN125 dày 6,0mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	156.000								
1815	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN125 dày 7,4mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	190.730								
1816	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN140 dày 5,4mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	157.910								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1817	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN140 dày 6,7mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	194.270								
1818	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN140 dày 8,3mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	238.090								
1819	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN160 dày 6,2mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	206.910								
1820	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN160 dày 7,7mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	255.090								
1821	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN160 dày 9,5mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	312.910								
1822	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN180 dày 6,9mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	258.550								
1823	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN180 dày 8,6mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	321.180								
1824	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN180 dày 10,7mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	393.910								
1825	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN200 dày 7,7mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	321.090								
1826	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN200 dày 9,6mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	400.090								
1827	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN200 dày 11,9mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	493.640								
1828	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN225 dày 8,6mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	402.820								
1829	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN225 dày 10,8mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	503.820								
1830	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN225 dày 13,4mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	606.730								
1831	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN250 dày 9,6mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	499.000								
1832	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN250 dày 11,9mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	614.820								
1833	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN250 dày 14,8mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	751.730								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1834	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN280 dày 10,7mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	618.820								
1835	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN280 dày 13,4mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	784.270								
1836	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN280 dày 16,6 mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	936.640								
1837	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN315 dày 12,1 mm	m	PE100	PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	789.090								
1838	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN315 dày 15,0 mm	m	PE100	PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	982.450								
1839	Vật tư ngành nước	Ống HDPE DN450 dày 26,7 mm	m	PE100	PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.433.727								
1840	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN21 dày 1,0mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.910								
1841	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN21 dày 1,2mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.550								
1842	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN27 dày 1,0mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.640								
1843	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN27 dày 1,3mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.820								
1844	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN34 dày 1,0mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	11.180								
1845	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN34 dày 1,3mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	13.090								
1846	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN34 dày 1,7mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.090								
1847	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN42 dày 1,2mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	16.730								
1848	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN42 dày 1,5mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	18.730								
1849	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN42 dày 1,7mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	22.000								
1850	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN42 dày 2,0mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	25.090								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1851	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN48 dày 1,4mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	19.550								
1852	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN48 dày 1,6 mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	22.910								
1853	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN48 dày 1,9 mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	26.180								
1854	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN48 dày 2,3mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.180								
1855	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN60 dày 1,4mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	25.460								
1856	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN60 dày 1,8mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	37.180								
1857	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN60 dày 2,3mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	43.270								
1858	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN60 dày 2,9mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	52.270								
1859	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN63 dày 1,6mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	30.000								
1860	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN63 dày 1,9mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	35.360								
1861	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN63 dày 2,5mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	44.000								
1862	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN63 dày 3,0mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	55.180								
1863	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN75 dày 1,5mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	35.730								
1864	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN75 dày 2,2mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	47.180								
1865	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN75 dày 2,9mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	61.460								
1866	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN75 dày 3,6mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	76.180								
1867	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN90 dày 1,5mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	43.550								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1868	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN90 dày 2,7mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	67.360								
1869	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN90 dày 3,5mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	88.360								
1870	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN90 dày 4,3mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	109.640								
1871	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN110 dày 1,9mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	65.820								
1872	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN110 dày 3,2mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	98.730								
1873	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN110 dày 4,2mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	138.360								
1874	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN110 dày 5,3mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	165.550								
1875	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN125 dày 2,0mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	72.640								
1876	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN125 dày 3,7mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	127.000								
1877	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN125 dày 4,8mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	161.270								
1878	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN125 dày 6,0mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	203.000								
1879	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN140 dày 2,2mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	89.460								
1880	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN140 dày 4,1mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	158.000								
1881	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN140 dày 5,4mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	211.360								
1882	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN140 dày 6,7mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	258.730								
1883	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN160 dày 2,5mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	116.180								
1884	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN160 dày 4,7mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	204.640								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1885	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN160 dày 6,2mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	264.730								
1886	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN160 dày 7,7mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	335.910								
1887	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN180 dày 2,8mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	146.000								
1888	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN180 dày 5,3mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	258.640								
1889	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN180 dày 6,9mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	330.360								
1890	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN200 dày 3,2mm	m			Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	217.910								
1891	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN200 dày 5,9mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	321.090								
1892	Vật tư ngành nước	Ống uPVC DN200 dày 7,7mm	m		PN 8	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	409.820								
1893	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN20 dày 2,3mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	22.180								
1894	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN20 dày 2,8mm	m		PN 16	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	24.730								
1895	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN25 dày 2,8mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	39.640								
1896	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN25 dày 3,5mm	m		PN 16	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	45.640								
1897	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN32 dày 2,9mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	51.360								
1898	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN32 dày 4,4mm	m		PN 16	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	61.730								
1899	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN40 dày 3,7mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	68.910								
1900	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN40 dày 5,5mm	m		PN 16	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	83.640								
1901	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN50 dày 4,6mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	101.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1902	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN50 dày 6,9 mm	m		PN 16	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	133.000								
1903	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN63 dày 5,8 mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	160.550								
1904	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN63 dày 8,6 mm	m		PN 16	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	209.000								
1905	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN63 dày 12,7mm	m		PN 12	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	299.270								
1906	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN75 dày 6,8mm	m		PN 15	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	223.270								
1907	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN75 dày 10,3mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	285.000								
1908	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN75 dày 12,5mm	m		PN 12	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	372.360								
1909	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN75 dày 15,1mm	m		PN 14	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	422.730								
1910	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN90 dày 8,2mm	m		PN 7	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	325.820								
1911	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN90 dày 12,3mm	m		PN 9	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	399.000								
1912	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN90 dày 15,0mm	m		PN 11	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	556.730								
1913	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN90 dày 18,1mm	m		PN 7	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	608.000								
1914	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN110 dày 10,0mm	m		PN 9	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	521.550								
1915	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN110 dày 15,1mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	608.000								
1916	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN110 dày 18,3mm	m		PN 6	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	783.730								
1917	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN110 dày 22,1mm	m		PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam		Giá tại nơi bán	902.550								
1918	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng ROSSI ARTE cao cấp, dung tích 15lít	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.008.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1919	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng ROSSI ARTE cao cấp, dung tích 20lít	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.009.000								
1920	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng ROSSI ARTE cao cấp, dung tích 30lít	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.235.000								
1921	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng ROSSI kinh tế, dung tích 15lít	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.599.000								
1922	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng ROSSI kinh tế, dung tích 20lít	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.690.000								
1923	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng ROSSI kinh tế, dung tích 30lít	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.826.000								
1924	Vật tư ngành nước	Bồn chứa nước Inox ngang, dung tích 0,5 m3	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.663.000								
1925	Vật tư ngành nước	Bồn chứa nước Inox ngang, dung tích 1,0 m3	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.381.000								
1926	Vật tư ngành nước	Bồn chứa nước Inox ngang, dung tích 1,5 m3	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	6.663.000								
1927	Vật tư ngành nước	Bồn chứa nước Inox ngang, dung tích 2,0 m3	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.717.000								
1928	Vật tư ngành nước	Bồn chứa nước Inox ngang, dung tích 2,5 m3	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.726.000								
1929	Vật tư ngành nước	Bồn chứa nước Inox ngang, dung tích 3,0 m3	cái			Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam		Giá tại nơi bán	12.563.000								
1930	Vật tư ngành nước	Đồng hồ đo nước tuabin, chống từ, mặt số xoay 360 độ, đồng hồ có thể đo được dòng chảy nhỏ giọt, hãng Itron: Nhân hiệu Multimag S DN15mm	cái		Cấp C, loại đa tia, mặt số bằng kính, bọc đồng, đã kiểm định	Công ty Cổ phần DNP HAWACO	Indonesia		Giá tại nơi bán	618.000								
1931	Vật tư ngành nước	Đồng hồ đo nước tuabin, chống từ, mặt số xoay 360 độ, đồng hồ có thể đo được dòng chảy nhỏ giọt, hãng Itron2/20/2024: Nhân hiệu Multimag TM DN15mm	cái		Cấp B, loại đa tia, mặt số bằng kính, bọc đồng, đã kiểm định	Công ty Cổ phần DNP HAWACO	Indonesia		Giá tại nơi bán	558.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1932	Vật tư ngành nước	Đồng hồ đo nước tuabin, chống từ, mặt số xoay 360 độ, đồng hồ có thể đo được dòng chảy nhỏ giọt, hãng Itron2/20/2024 Nhân hiệu Unimag + DN15mm, R100	cái		Cấp 2 (cấp B) đơn tia, có sẵn chân gá tích hợp với Cyble đọc số từ xa, đã kiểm định	Công ty Cổ phần DNP HAWACO	Italia		Giá tại nơi bán	515.000								
1933	Vật tư ngành nước	Đồng hồ đo nước cấp C, kiểu Piston, không bị ảnh hưởng bởi từ trường, đồng hồ có thể đo được dòng chảy nhỏ giọt, ngưỡng độ nhạy 2 lít/h, hãng Itron: Nhân hiệu TD88, DN15mm R160	cái		Cấp 2 (cấp C), piston, loại thẻ tích, đã kiểm định	Công ty Cổ phần DNP HAWACO	Indonesia		Giá tại nơi bán	642.000								
1934	Vật tư ngành nước	Đồng hồ đo nước cấp C, kiểu Piston, không bị ảnh hưởng bởi từ trường, đồng hồ có thể đo được dòng chảy nhỏ giọt, ngưỡng độ nhạy 2 lít/h, hãng Itron2/20/2024: Nhân hiệu Aquadis + DN15mm R160	cái		Cấp 2 (cấp C), piston, loại thẻ tích, có sẵn chân gá tích hợp với Cyble đọc số từ xa, đã kiểm định	Công ty Cổ phần DNP HAWACO	Indonesia		Giá tại nơi bán	915.000								
1935	Vật tư ngành nước	Đồng hồ đo nước cấp C, kiểu Piston, không bị ảnh hưởng bởi từ trường, đồng hồ có thể đo được dòng chảy nhỏ giọt, ngưỡng độ nhạy 2 lít/h, hãng Itron: Nhân hiệu Nevos DN15mm R160	cái		Cấp 2 (cấp C), piston, loại thẻ tích, có sẵn chân gá tích hợp với Cyble đọc số từ xa, đã kiểm định	Công ty Cổ phần DNP HAWACO	Indonesia		Giá tại nơi bán	662.000								
1936	Xi măng	Xi măng bao Sông Gianh	kg		PCB30	Công ty CP xi măng Sông Gianh	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	1.500								
1937	Xi măng	Xi măng bao Sông Gianh	kg		PCB40	Công ty CP xi măng Sông Gianh	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	1.527								
1938	Xi măng	Xi măng bao ADAMAX Sông Gianh	kg		PCB40	Công ty CP xi măng Sông Gianh	Việt Nam	145	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	1.436								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1939	Xi măng	Xi măng bao ADAMAX Sông Gianh	kg		PCB50	Công ty CP xi măng Sông Gianh	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	1.618								
1940	Xi măng	Xi măng bao ADAMAX Sông Gianh Type I, II	kg			Công ty CP xi măng Sông Gianh	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	1.318								
1941	Xi măng	Xi măng rời Sông Gianh Type II	kg			Công ty CP xi măng Sông Gianh	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	1.408								
1942	Vật liệu khác	Nước máy sản xuất	m3						Giá tại nơi bán	12.000								
1943	Vật liệu khác	Đất đắp	m3						Giá tại nơi bán: Giá tại mỏ	42.000								
1944	Vật liệu khác	Điện	kwh						Giá tại nơi bán	2.006,79								
1945	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 01/02/2024 đến ngày 08/02/2024	21.236								
1946	Vật liệu khác	Điêzen 0,05S-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 01/02/2024 đến ngày 08/02/2024	19.455								
1947	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 09/02/2024 đến ngày 15/02/2024	20.509								
1948	Vật liệu khác	Điêzen 0,05S-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 09/02/2024 đến ngày 15/02/2024	19.191								
1949	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 16/02/2024 đến ngày 22/02/2024	21.164								
1950	Vật liệu khác	Điêzen 0,05S-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 16/02/2024 đến ngày 22/02/2024	19.800								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1951	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 23/02/2024 đến ngày 29/02/2024	20.827								
1952	Vật liệu khác	Điezen 0,05S-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 23/02/2024 đến ngày 29/02/2024	19.382								
1953	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 01/3/2024 đến ngày 07/3/2024	21.091								
1954	Vật liệu khác	Điezen 0,05S-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 01/3/2024 đến ngày 07/3/2024	19.255								
1955	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 01/3/2024 đến ngày 07/3/2024	20.873								
1956	Vật liệu khác	Điezen 0,05S-II	lít						Giá tại nơi bán từ ngày 01/3/2024 đến ngày 07/3/2024	18.973								
1957	Vật liệu khác	Hồ thu chống ngập nước cục bộ và ngăn mùi F1 (INFRAVI-F1)	hố		320x960x1120	Công ty CP Quản lý và Phát triển HTĐT Vinh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	8.346.000								
1958	Vật liệu khác	Hồ thu chống ngập nước cục bộ và ngăn mùi F2 (INFRAVI-F2)	hố		410x960x1120	Công ty CP Quản lý và Phát triển HTĐT Vinh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.309.000								
1959	Vật liệu khác	Hồ thu chống ngập nước cục bộ và ngăn mùi F3 (INFRAVI-F3)	hố		550x960x1120	Công ty CP Quản lý và Phát triển HTĐT Vinh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.572.000								
1960	Vật liệu khác	Hồ thu chống ngập nước cục bộ và ngăn mùi F4 (INFRAVI-F4)	hố		800x1200x1250	Công ty CP Quản lý và Phát triển HTĐT Vinh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	14.854.000								
1961	Vật liệu khác	Hồ thu chống ngập nước cục bộ và ngăn mùi F5 (INFRAVI-F5)	hố		1200x1600x1250	Công ty CP Quản lý và Phát triển HTĐT Vinh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	17.389.000								
1962	Vật liệu khác	Api Bentonite Star	kg		Bao 25kg	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hùng Ngọc	Việt Nam		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	3.455								
1963	Vật liệu khác	Bentonite Powder	kg		Bao 25kg	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hùng Ngọc	Ấn Độ		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	4.409								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1964	Vật liệu khác	Polymer Plus	kg		Bao 25kg	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hùng Ngọc	Trung Quốc		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	62.727								
1965	Vật liệu khác	Phụ gia Soda Ash Light	kg		Bao 25kg	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hùng Ngọc	Trung Quốc		Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn trung tâm huyện; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	17.727								
1966	Vật liệu khác	Cửa Composite (mặt cắt tiết diện 3mm), kính sáng dày 2,5mm	m2		Độ dày 40mm	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.650.000								
1967	Vật liệu khác	Khung ngoại composite (mặt cắt tiết diện 3mm), đai U chịu lực: 70x50x3mm (khoảng cách 300mm/đai)	m		140x50	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	320.000								
1968	Vật liệu khác	Khung ngoại composite (mặt cắt tiết diện 3mm), đai U chịu lực: 70x50x3mm (khoảng cách 300mm/đai)	m		180x50	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	430.000								
1969	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		500x250x30	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	454.000								
1970	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		500x200x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	500.000								
1971	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		500x250x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	529.000								
1972	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		500x300x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	586.500								
1973	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		600x250x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	621.000								
1974	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		600x300x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	667.000								
1975	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		600x400x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	874.000								
1976	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		700x250x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	713.000								
1977	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		900x250x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.012.000								
1978	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		1000x400x40	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam	148	Giá tại nơi bán	1.610.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1979	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		1000x400x50	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.897.000								
1980	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 25 tấn	cái		850x850x60	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.680.000								
1981	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		900x900x60	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.427.500								
1982	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 25 tấn	cái		900x900x60	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.400.000								
1983	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		1000x1000x60	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	5.980.000								
1984	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 25 tấn	cái		850x850	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.560.000								
1985	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 25 tấn	cái		850x850	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.427.500								
1986	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 25 tấn	cái		900x900	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.830.000								
1987	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 12,5 tấn	cái		1000x1000	Công ty TNHH SX Composite Miền Trung	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.830.000								
1988	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 1,5 tấn	cái		500x200x25	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	305.000								
1989	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		500x200x25	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	440.000								
1990	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		500x250x30	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	450.000								
1991	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		500x250x40	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	525.000								
1992	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		600x250x30	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	545.000								
1993	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		600x250x40	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	610.000								
1994	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		700x250x30	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	745.000								
1995	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		700x250x40	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	825.000								
1996	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		900x250x30	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	875.000								
1997	Vật liệu khác	Lưới chắn rác composite, trọng tải 25 tấn	cái		900x250x40	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	1.050.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1998	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 2,5 tấn	cái		850x850	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.650.000								
1999	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		850x850	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	4.350.000								
2000	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 25 tấn	cái		850x850	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	4.950.000								
2001	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 12,5 tấn	cái		1000x1000x60	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	6.265.000								
2002	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite, trọng tải 25 tấn	cái		900x900x60	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	5.120.000								
2003	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 12,5 tấn	cái		850x850	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.750.000								
2004	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 25 tấn	cái		850x850	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	4.035.000								
2005	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 12,5 tấn	cái		900x900	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	3.985.000								
2006	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 25 tấn	cái		900x900	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	4.585.000								
2007	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 12,5 tấn	cái		1000x1000	Công ty CP Đầu tư TM Hoàng Trung	Việt Nam	Giá đã bao gồm công lắp đặt hoàn thiện	Giá tại nơi bán	4.045.000								
2008	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite/gang trọng tải 12,5tấn đến 25tấn	cái		850x850	Công ty TNHH TBĐ và CS miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.500.000								
2009	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite/gang trọng tải 40 tấn	cái		850x850	Công ty TNHH TBĐ và CS miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.500.000								
2010	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite/gang (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 12,5tấn đến 25tấn	cái		900x900	Công ty TNHH TBĐ và CS miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.850.000								
2011	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite/gang (để chìm) nắp tròn 650, trọng tải 40tấn	cái		900x900	Công ty TNHH TBĐ và CS miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.350.000								
2012	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite/gang (để chìm) nắp tròn 700, trọng tải 12,5tấn đến 25tấn	cái		900x900	Công ty TNHH TBĐ và CS miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.950.000								
2013	Vật liệu khác	Nắp hồ ga composite/gang (để chìm) nắp tròn 700, trọng tải 40tấn	cái		900x900	Công ty TNHH TBĐ và CS miền Bắc	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.450.000								
2014	Vật liệu khác	Tà vệt bê tông liền khối TLK R3	thanh				Việt Nam		Giá tại nơi bán								936.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
2015	Vật liệu khác	Tà vẹt bê tông liền khối TLK DC	thanh				Việt Nam		Giá tại nơi bán								978.000	
2016	Vật liệu khác	Tấm đan T1A (100x85)cm	tám				Việt Nam		Giá tại nơi bán								3.239.000	
2017	Vật liệu khác	Tấm đan T2A (100x100)cm	tám				Việt Nam		Giá tại nơi bán								3.488.000	
2018	Vật liệu khác	Tấm đan T2A (200x100)cm	tám				Việt Nam		Giá tại nơi bán								5.800.000	
2019	Vật liệu khác	Tấm đan T1B (150x85)cm	tám				Việt Nam		Giá tại nơi bán								4.227.000	
2020	Vật liệu khác	Gối kê tấm đan BTCT M300#, L=1,0m	gối				Việt Nam		Giá tại nơi bán								443.000	
2021	Vật liệu khác	Căn chữ T dày 3mm	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								5.300	
2022	Vật liệu khác	Căn chữ T dày 5mm	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								7.800	
2023	Vật liệu khác	Căn mối ray chữ C dày 3mm	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								14.000	
2024	Vật liệu khác	Lập lách đặc biệt P43-50	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								973.000	
2025	Vật liệu khác	Lập lách đặc biệt P50-50 (TQ-Nhật)	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.148.000	
2026	Vật liệu khác	Lập lách đặc biệt P50-50 (Nhật)	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.148.000	
2027	Vật liệu khác	Lập lách đặc biệt P50-50 (LX-Nhật)	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.148.000	
2028	Vật liệu khác	Lập lách đặc biệt P50-50 (Nhật - Áo)	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.148.000	
2029	Vật liệu khác	Thanh liên kết tấm đan	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								558.000	
2030	Vật liệu khác	Cóc chung đặc biệt	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								47.000	
2031	Vật liệu khác	Biển báo tốc độ phản quang KT(450x450mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.337.000	
2032	Vật liệu khác	Biển báo STOP phản quang KT(560x560mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.663.000	
2033	Vật liệu khác	Biển báo 210, 211 phản quang tam giác KT(700x700mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.595.000	
2034	Vật liệu khác	Biển báo 242A phản quang hình chéo KT(800x800mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.552.000	
2035	Vật liệu khác	Biển báo kéo còi phản quang KT(600x600mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.690.000	
2036	Vật liệu khác	Biển báo nguy hiểm phản quang KT(450x450mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.285.000	
2037	Vật liệu khác	Biển báo hết nguy hiểm phản quang KT(450x450mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.285.000	

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
2038	Vật liệu khác	Biển báo chú ý tàu hỏa cột bê tông KT(400x600mm), L=2,3m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								860.000	
2039	Vật liệu khác	Biển báo dừng lại quan sát chú ý tàu hỏa KT(450x450mm), L=3,0m	biển				Việt Nam		Giá tại nơi bán								1.285.000	
2040	Vật liệu khác	Thanh chống K hình chữ Z	thanh				Việt Nam		Giá tại nơi bán								36.000	
2041	Vật liệu khác	Cọc tiêu BTCT (15x15x110)mm	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								158.000	
2042	Vật liệu khác	Thẻ bài tuần đường	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								355.000	
2043	Vật liệu khác	Clê đuôi chuột	cái				Việt Nam		Giá tại nơi bán								190.000	
2044	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ tròn D=0,9m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.661.000								
2045	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ tròn D=1,26m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.100.000								
2046	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ tròn D=1,4m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.891.000								
2047	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ tam giác L=0,9m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.793.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
2048	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ tam giác L=1,26m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.250.000								
2049	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ tam giác L=1,4m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	4.190.000								
2050	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ chữ nhật, S<1m2	m2	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.229.000								
2051	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ chữ nhật, S<5m2	m2	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.371.000								
2052	Vật liệu khác	Biển báo hiệu đường bộ chữ nhật, S>5m2	m2	QCVN 41:2019/BGTVT. Mặt biển nhôm tấm dày 2,5mm theo tiêu chuẩn ASTM B209-H34. Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung xương T20x40x2mm. Mắc thép SS400. Màng phản quang cho biển tròn, tam giác D/L < 1,25m là 3M loại VIII. Màng phản quang cho các biển còn lại là 3M loại XI. Cột biển báo dán màng phản quang trắng đỏ loại IV.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.447.000								
2053	Vật liệu khác	Ống thép chịu lực cho hàng rào bảo vệ đường-Hàng rào dây thép gai: D60x3, L=1590mm. Thép ống STK 400.	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123		Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	445.600								
2054	Vật liệu khác	Khung hàng rào gồm khung P50x3; lưới thép F4 (63x63mm)	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Thép ống mác STK 400, thép tấm SS4000. Bu lông liên kết dầm - cột CB8,8. Bu lông móng CB5,6	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam	153	Giá tại nơi bán	3.119.000								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
2055	Vật liệu khác	Cột thép chịu lực hàng rào P60x3mm, L=1590mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Thép ống mác STK 400, thép tấm SS4000. Bu lông liên kết dầm - cột CB8,8. Bu lông móng CB5,7	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	854.900								
2056	Vật liệu khác	Cửa hàng rào B40: khung hộp T25x50x1,8; KT 1200x900mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Thép ống mác STK 400, thép tấm SS4000. Bu lông liên kết dầm - cột CB8,8. Bu lông móng CB5,8	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.815.100								
2057	Vật liệu khác	Thanh chống hàng rào P50,1x2,8x1240	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Thép ống mác STK 400, thép tấm SS4000. Bu lông liên kết dầm - cột CB8,8. Bu lông móng CB5,9	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	295.000								
2058	Vật liệu khác	Tấm sóng giữa hộ lan 6330x460x3.2mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.772.000								
2059	Vật liệu khác	Tấm sóng giữa hộ lan 2330x310x4mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.544.000								
2060	Vật liệu khác	Tấm sóng giữa hộ lan 4320x310x4mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.814.500								
2061	Vật liệu khác	Tấm sóng giữa hộ lan 3 sóng 2330x506x4.0mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	2.041.200								
2062	Vật liệu khác	Tấm sóng giữa hộ lan 3 sóng 4320x506x4.0mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.755.500								
2063	Vật liệu khác	Tấm sóng giữa hộ lan huyện tiếp giữa loại 2 sóng và 3 sóng 4330x506x4.0mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	3.549.500								
2064	Vật liệu khác	Tấm đầu cuối hộ lan 3 sóng 865x4.0mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.215.000								
2065	Vật liệu khác	Tấm đầu cuối hộ lan 2 sóng 700x4mm	tám	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	720.000								
2066	Vật liệu khác	Cột hộ lan D141x4,5x2050mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.269.000								
2067	Vật liệu khác	Cột hộ lan D141x4,5x1150mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	773.100								
2068	Vật liệu khác	Ống nối hộ lan D76x6x390mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mác STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	189.700								

									Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
2069	Vật liệu khác	Ống nối hộ lan D89x5,5x2994mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	1.699.000								
2070	Vật liệu khác	Hộp đệm hộ lan 456x900x4,3mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	781.900								
2071	Vật liệu khác	Hộp đệm hộ lan 30x700x4,5mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	49.100								
2072	Vật liệu khác	Nắp bịt trụ hộ lan	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	32.990								
2073	Vật liệu khác	Tiêu phản quang 3M seri 3900	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	10.100								
2074	Vật liệu khác	Bu lông M16x35, mạ kẽm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	9.980								
2075	Vật liệu khác	Bu lông M19x180, mạ kẽm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	44.670								
2076	Vật liệu khác	Bu lông M20x165, mạ kẽm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	44.020								
2077	Vật liệu khác	Bu lông M20x52, mạ kẽm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Trụ thép mạ STK400, tôn sóng SS540, các loại tấm khác SS400. Bu lông liên kết CB5,6.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	15.750								
2078	Vật liệu khác	Lưới chống chói trên dải phân cách	m	Mạ kẽm nhúng nóng theo ASTM A123	Khung lưới chống chói Modul 2m, cột D59,9 dày 3mm, cao 750cm. Gồm bu lông M12x20mm.	Công ty CP Indencons Vina	Việt Nam		Giá tại nơi bán	711.100								